**Bài 1 - Tiết 1: THẾ GIỚI QUAN DUY VẬT VÀ PHƯƠNG**

**PHÁP LUẬN BIỆN CHỨNG**

**I. Mục tiêu bài học.**

***1. Về kiến thức.***

- Nhận biết được chức năng thế giới quan, phương pháp luận của triết học.

- Nhận biết được nội dung cơ bản của CNDV và CNDT.

***2. Về kĩ năng.***

Nhận xét đánh giá được một số biểu hiện của quan điểm duy vật hoặc duy tâm.

***3. Về thái độ.***

Có ý thức trau dồi thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng.

**II. Tài liệu và phương tiện dạy học.**

- SGK, SGV GDCD 10

- Sách TH Mác-Lênin, bài tập tình huống GDCD 10

- Những nội dung có liên quan đến bài học

**III. Tiên trình lên lớp.**

***1. Ổn định tổ chức lớp.***

***2. Kiểm tra bài cũ.***

Kiểm tra sách, vở và đồ dùng phục vụ học tập bộ môn.

***3. Học bài mới.***

CMác cho rằng: Không có triết học thì không thể tiến lên phía trước. Vậy triết học có vai trò gì đối với cuộc sống. Để làm sáng tỏ vấn đề này hôm nay chúng ta sẽ học bài...

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| --- | --- |
| ? Theo em con người muốn nhận thức và cải tạo TG thì phải làm gì?  Muốn nhận thức và cải tạo TG con người đã x.dựng nên nhiều môn KH  ? Vậy các môn KH đều ng.cứu về một lĩnh vực hay không?  ? Em hãy lấy VD về đối tượng ng.cứu của mỗi môn KH cụ thể?  Như vậy TH là một môn KH trong những môn khoa học mà con người đã x.dựng nên.  ? Vậy TH có phải là một môn KH ng.cứu một lĩnh vực cụ thể không?  ? Vậy đối tượng ng.cứu của TH là gì?    ? Em hãy SS đ.tượng ng.cứu của TH với các môn KH cụ thể.  ? Từ đ.tượng ng.cứu của TH, theo em TH có vai trò gì đối với con người?  ? Em hiểu thế nào là TGQ và PPL?  TGQ = là q.niệm của con người về TG (n.thức thế giới 1 cách kq)  PPL = là lý luận về PP ng.cứu (con đường nhận thức)  Vậy để hiểu được thế nào là TGQ DV và TGQ DT. Chunga ta đi tìm hiểu nội dung vấn đè cơ bản của triết học.  Lưu ý: DV = V.chất quyết định  DT = **ý** thức quyết định    **Cho HS đọc phần “b” trang 5 và 6**  ? Nội dung vấn đề cơ bản của TH gồm mấy mặt? (Gồm hai mặt)  ? Mặt thứ nhất trả lời cho câu hỏi gì?  ? Mặt thứ hai trả lời cho câu hỏi gì?  ? Vậy làm thế nào để phân biệt đâu là TGQ DV và đâu là TGQ DT?  Người ta căn cứ vào cách trả lời cho hai câu hỏi trên để phân biệt.  ? TGQ DV trả lời cho hai câu hỏi trên như thế nào?  ? TGQ DT trả lời cho hai câu hỏi trên như thế nào?  VD: Con chim bay từ đó con người sáng chế ra chiếc máy bay.  ? Từ VD này VC và YT cái nào có trước cái nào có sau, khả năng cua con người ra sao?  ? Vậy theo em thế giới quan nào mang tính khoa học? | **1. Thế giới quan và phương pháp luận.**  ***a. Vai trò của TGQ, PPL của triết học.***  - Mỗi môn khoa học cụ thể chỉ đi sâu nghiên cứu một bộ phận, một lĩnh vực nhất định nào đó.  VD:  + LS: ng.cứu lịch sử của 1 dân tộc, quốc gia và của xã hội  + Đ.lí: ng.cứu ĐK tự nhiên, m.trường...  +V.học: ng.cứu hình tượng, ngôn ngữ...  - Triết học ng.cứu những vấn đề chung nhất, phổ biến nhất của thế giới.  - Đối tượng ng.cứu của TH: là những quy luật chung nhất, phổ biến nhất về sự vận động và phát triển của giới tự nhiên, xã hội và trong  lĩnh vực tư duy.  - KN TH: là hệ thống các quan điểm lí luận chung nhất về thế giới và vị trí của con người trong thế giới đó.  - SS ĐT ng.cứu TH với các môn KH cụ thể  + Giống: ng.cứu vận động, phát triển của TN, XH và TD.  + Khác:  **.** TH: có tính khái quát, toàn bộ TG VC  **.** Các môn KH: có tính chất riêng lẻ của từng lĩnh vực.  - Vai trò TH: là TGQ, PPL chung cho mọi hoạt động thực tiễn và hoạt động nhận thức của con người.  ***b. TGQ DV và TGQ DT***  - TGQ = quan niệm của con người về thế giới  + DV = V.chất quyết định  + DT = ***Ý*** thức quyết định  - ND vấn đề cơ bản của TH:  + Mặt 1: VC – YT cái nào có trước-sau, cái nào quyết định cái nào?  + Mặt 2: Con người có thể nhận thức được thế giới không?  - TGQ DV: VC có trước YT, quyết định ý thức và con người có thể nhận thức được TG.  - TGQ DT: YT có trước VC, quyết định VC và con người không có khả năng nhận thức được thế giới.  **Như vậy:** TGQ DV là đúng và có vai trò phát triển khoa học, nâng cao vai trò của con người đối với tự nhiên và xã hội. |

***4. Củng cố.***

- Hệ thống lại kiến thức trọng tâm của bài.

- Cho học sinh trả lời và làm bài tập trong SGK.

***5. Dăn dò nhắc nhở.***

Về nhà làm bài tập, học bài cũ và chuẩn bị mới trước khi đến lớp.

**Bài 1 - Tiết 2: THẾ GIỚI QUAN DUY VẬT VÀ PHƯƠNG**

**PHÁP LUẬN BIỆN CHỨNG**

**I. Mục tiêu bài học.**

***1. Về kiến thức.***

- Nhận biết được thế nào là PPL biện chứng và PPL siêu hình.

- Nắm được sự thống nhất hữu cơ giữa TGQ DV và PPL BC.

***2. Về kĩ năng.***

Nhận xét đánh giá được một số biểu hiện của PP BC và PP SH.

***3. Về thái độ.***

Có ý thức trau dồi thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng.

**II. Tài liệu và phương tiện dạy học.**

- SGK, SGV GDCD 10

- Sách TH Mác-Lênin

- Phiếu học tập

- Những nội dung có liên quan đến bài học

**III. Tiên trình lên lớp.**

***1. Ổn định tổ chức lớp.***

***2. Kiểm tra bài cũ.***

? Nội dung cơ bản của TH gồm mấy mặt?

? Làm cách nào để phân biệt TGQ DV với TGQ DT?

***3. Học bài mới***

Giờ trước chúng ta đã khẳng định TGQ DV mang tính khoa học. Vậy giữa PPL BC và PPL SH PP nào mang tính khoa. Tại sao CNDV BC lại là sự thống nhất giữa TGQ DV và PPL BC.

| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| --- | --- |
| Để hiểu được thế nào là PPL BC và thế nào là PPL SH chúng ta phải nắm được thế nào là PP và PPL  ? Em hiểu thế nào là PP và PPL?  Gìơ trước chúng ta đã khẳng định TGQ DV là đúng mang tính khoa học, nâng cao vai trò của con người trước TN và XH. Vậy PPL BC và PPL SH thì PP nào mang tính khoa học. Chúng tìm hiểu 2 VD trng SGK trang 8.  “Không ai tắm hai lần trên cùng một dòng sông”  VD đã chỉ ra yếu tố vận động, phát triển không ngừng và mối liên hệ ràng buộc nhau.  “Cơ thể con người giống như một cỗ máy...”  VD chỉ ra một cách máy móc, cô lập không có sự vận động và phát triển.  ? Vậy theo em PP nào mang tính khoa học và đúng đắn giúp con ngưòi trong nhận thức và cải tạo thế giới?  Suy cho cùng PPL BC và PPL SH đều là kết quả nhận thức của con người. Nhưng do hạn chế của nó PPL SH không đáp ứng được nhận thức khoa học và hoạt động thực tiễn  **Lập bảng so sánh**  Cho học sinh đọc hai VD trong SGK trang 9 và điền vào bảng (lập sẵn) hoặc phát phiếu học tập cho từng nhóm.  ? Thông qua bảng tại sao CN DVBC là sự thống nhất giữa TGQ DV và PPL BC. | **1. Thế giới quan duy vật và PPL biện chứng.**  ***c. PPL biện chứng và PPL siêu hình.***  - PP: là cách thức đạt tới mục đích đặt ra.  - PPL: là khoa học về phương pháp nghiên cứu.  - PPL biện chứng:  + N.thức SV-HT trong sự vận động và phát triển không ngừng.  + N.thức SV-HT trong mối liên hệ, ảnh hưởng, ràng buộc nhau.  - PPL siêu hình:  + N.thức SV-HT trong trạng thái cô lập, không có sự phát triển.  + N.thức SV-HT không có sự ràng buộc, tách rời nhau một cách tuyệt đối.  **Như vậy:** PPL BC mang tính đúng đắn giúp con người trong nhận thức và cải tạo thế giới.  **2. CNDV BC-Sự thống nhất hữu cơ giữa TGQ DV và PPL BC.**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | TGQ | PPL | V.dụ | | Các nhà DV trước C.Mác | Duy vật | Siêu hình | T.giới TN có trước nhưng c.người lại phụ thuộc vào số trời | | Các nhà BC trước C.Mác | Duy tâm | Biện chứng | YT có trước VC và q.định VC | | TH Mác- Lênin | Duy vật | Biện chứng | T.giới k.quan tồn tại độc lập với YT, luôn v.động và pt |   - TH Mác-Lênin là sự thống nhất giữa TGQ DV và PPL BC tức là:  + TGQ: phải đứng trên quan điểm DVBC  + PPL: phải đứng trên quan điểm BCDV |

***4. Củng cố***

- Hệ thống lại kiến thức trọng tâm của tiết và toàn bài

- Cho học sinh lập bảng so sánh

+ So sánh giữa TGQ DV và TGQ DT

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | TGQ DV | TGQ DT |
| Q.hệ giữa VC và YT |  |  |
| Ví dụ |  |  |

+ So sánh giữa PPL BC với PPL SH

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | PPL BC | PPL SH |
| Q.hệ giữa các SV-HT và VĐ, pt |  |  |
| Ví dụ |  |  |

- Cho học sinh làm bài tập trong SGK

+ Bài tập 2:

+ Bài tập 3:

+ Cho HS nhắc lại sự giống-khác nhau về đối tượng ng.cứu của TH với các môn KH khác

***5. Dặn dò nhắc nhở.***

Về nhà làm các bài tập còn lại, học bài cũ và chuẩn bị bài 2 trước khi đến lớp.

**Bài 2 - Tiết 1: THẾ GIỚI VẬT CHẤT TỒN TẠI KHÁCH QUAN**

**I. Mục tiêu bài học.**

***1. Về kiến thức.***

- Hiểu được giới tự nhiên tồn tại khách quan.

- Biết được con người là sản phẩm của giới tự nhiên.

***2. Về kĩ năng.***

Vận dụng những kiến thức đã học từ các môn học khác để chứng minh các loài thực-động vật và con người đều có nguồn gốc từ tự nhiên.

***3. Về thái độ.***

Tin tưởng vào khả năng nhận thức của con người và phê phán những quan điểm duy tâm thần bí về nguồn gốc con người.

**II. Tài liệu và phương tiện dạy học.**

- SGK, SGV GDCD 10

- Sách TH Mác-Lênin

- Những nội dung có liên quan đến bài học

**III. Tiên trình lên lớp.**

***1. Ổn định tổ chức lớp.***

***2. Kiểm tra bài cũ.***

? Thế nào là PPL BC và thế nào là PPL SH?

? SS về sự khác nhau giữa TGQ DV và TGQ DT (mối quan hệ giữa VC-YT)?

***3. Học bài mới***

Thế xung quanh ta là vô tận. Vậy thế giới là tự có hay do một lực lượng thần bí, thượng đế tạo ra. Con người có gốc từ đâu hay do thượng đế tạo ra. Để làm sáng tỏ vấn đề này chúng ta cùng đi tìm hiểu bài 2 tiết một.

| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| --- | --- |
| **Cho học sinh đọc và suy nghĩ về các thông tin trong sách giáo khoa trang 13.**  Sau đó cho học sinh cả lớp thảo luận các câu hỏi sau  ? Theo em giới tự nhiên bao gồm những yếu tố nào?  ? Sự vận động và phát triển của giới tự nhiên có phụ thuộc vào ý muốn của con người không? Vì sao? Lấy ví dụ chứng minh?  ? Em hãy chứng minh giới tự nhiên là tự có? Lấy ví dụ minh hoạ?  ? Em hãy cho biết vì sao nói giới tự nhiên tồn tại khách quan?  **Cho học sinh đọc phần 2 “a” trong sách giáo khoa trang 14**  Truyện thần thoại “bà nữ oa” đã dùng bùn vàng đã nặn ra con người và thổi vào đó sự sống.  Theo đạo thiên chúa dùng đất sét nặn ra người đàn ông và lấy cái xương sườn thứ bảy nặn ra người đàn bà.  ? Em có suy nghĩ gì về hai quan niệm trên?  **Cho học sinh cả lớp thảo luận các câu hỏi sau**  ? Bằng kiến thức l.sử em hãy cho biết c.người có quá trình tiến hoá như thê nào?  Từ vượn => người (5 đến 7 vạn năm)  ? Em có biết công trình khoa học nào đã khẳng định con người có ng.gốc từ đ.vật?  ? Con người có đặc điểm gì giống và khác với động vật?  ? Em có kết luận gì về nguồn gốc con người?  ? Em có suy nghĩ gì về câu nói: Bản chất con người là tổng hoà các mối quan hệ xã hội trong tính hiện thực của nó.  ? Tại sao nói con người là sản phẩm của giới tự nhiên? | **1. Giới tự nhiên tồn tại khách quan.**  - Giới tự nhiên là toàn bộ thế giới v.chất  - Sự vận động và phát triển của giới tự nhiên không phụ thuộc vào ý muốn của con người  - Giới tự nhiên là tự có  - Mọi SV-HT trong giới tự nhiên đều có quá trình hình thành, vận động và phát triển theo những quy luật vốn có của nó  **2. Xã hội là một bộ phận đặc thù của giới tự nhiên.**  ***a. Con người là sản phẩm của giới tự nhiên.***  - Khoa học ng.cứu loài người có nguồn gốc từ động vật (vượn cổ cách 5 đến 7 vạn năm)  - Công trình “Nguồn gốc loài người và chọn lọc giới tính” của Đacuyn năm 1871 đã khẳng định con người có nguồn gốc từ động vật.  - Điểm giống với động vật.(nhu cầu, tính bản năng)  - Điểm khác với động vật.  + Đ.vật mang tính bản năng, thích nghi thụ động.  + Con người có ý thức, ng.ngữ, tư duy và có khả năng nhận thức và cải tạo tự nhiên  - Con người là sản phẩm của giới tự nhiên, tồn tại và phát triển cùng với môi trường tự nhiên. |

***4. Củng cố.***

- Hệ thống lại những kiến thức cơ bản của tiết

- Cho HS trả lời một số câu hỏi:

+ Tại sao nói con người vừa mang bản chất sinh học vừa mang bản chất xã hội? Bản chất nào là quyết định?

+ Sự tác động của con người vào giới tự nhiên có thể xẩy ra theo hai hướng tích cực và tiêu cực. Hãy nêu hai hướng đó và cho ví dụ minh hoạ?

***5. Dặn dò nhắc nhở.***

Về nhà làm b.tập cuối phần bài học, học bài cũ và c.bị bài mới trước khi đến lớp.

**Bài 2 - Tiết 2: THẾ GIỚI VẬT CHẤT TỒN TẠI KHÁCH QUAN**

**I. Mục tiêu bài học.**

***1. Về kiến thức.***

- HS năm được XH là sản phẩm của giới tự nhiên.

- Con người có khả năng nhận thức và cải tạo giới tự nhiên.

***2. Về kĩ năng.***

Chứng minh được con người có thể nhận thức và cải tạo giới tự nhiên và đời sống xã hội.

***3. Về thái độ.***

Tin tưởng vào khả năng nhận thức và cải tạo giới tự nhiện của con người và phê phán những quan điểm duy tâm thần bí về nguồn gốc con người.

**II. Tài liệu và phương tiện dạy học.**

- SGK, SGV GDCD 10

- Sách TH Mác-Lênin

- Những nội dung có liên quan đến bài học

**III. Tiên trình lên lớp.**

***1. Ổn định tổ chức lớp.***

***2. Kiểm tra bài cũ.***

? Em hãy chứng minh giới tự nhiên là tự có? Tại sao con người là sản phẩm của giới tự nhiên?

***3. Học bài mới***

Giờ trước chúng ta đã chứng minh con người là sản phẩm của giới tự nhiên chứ không phải do thần linh hay thượng đế nào sáng tạo ra. Vậy XH có nguồn gốc từ đâu, đồng thời con người có thể nhận thức và cải tạo được thế giới hay không? đó chính là nội dung nghiên cứu của bài hôm nay.

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| --- | --- |
| *Giáo viên sử dụng phương pháp động não, kết hợp với giảng giải bằng cách nêu vấn đề cần tìm hiểu trước lớp bằng một số câu hỏi gợi mở.*  ? Em có đồng ý với quản điểm cho rằng: thần linh quyết định mọi sự biến hoá của xã hội không? Vì sao?  ? Xã hội có nguồn gốc từ đâu? dựa trên cơ sở nào em khẳng định như vậy? Con người có trước hay xã hội loài người có trước?  ? Xã hội loài người đã và đang trải qua những giai đoạn phát triển nào?  ? Theo em yếu tố chủ yếu nào đã tạo nên sự biến dổi của xã hội?  ? Vì sao nói xã hội là một bộ phận đặc thù của giới tự nhiên?  *Tiến hành thảo luận nhóm tìm hiểu khả năng nhận thức và cải tạo thế giới khách quan của con người.*  *GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận về thông tin khả năng nhận thức của con người trong SGK.*  ***Nhóm 1:*** Yêu cầu HS đọc phần in nghiêng trong SGK trang 15 sau đó đưa ra ý kiến nhận xét?  ***Nhóm 2:*** Con người có thể nhận thức được thế giới khách quan không? Dựa vào đâu con người có thể nhận thức được thế giới khách quan? Cho ví dụ minh họa?  ***Nhóm 3:*** Trong các hoạt động tác động vào tự nhiên hoặc XH mà em biết, hoạt dộng nào có ích, hoạt động nào có hại cho con người và tự nhiên em hãy giải thích vì sao?  ***Nhóm 4:*** Trong cải tạo tự nhiên và xã hội, nếu không tuân theo các quy luật khách quan thì điều gì sẽ xẩy ra? Cho ví dụ minh họa?  *Đại diện từng nhóm báo cáo kết quả thảo luận, lớp tranh luận bổ sung. Cuối cùng GV nhận xét và kết luận.* | **2. Xã hội là một bộ phận đặc thù của giới tự nhiên.(tiếp)**  ***b. Xã hội là sản phẩm của giới tự nhiên.***  - Xã hội loại người phát triển từ thấp đến cao (đã và đang trải qua 5 giai đoạn pt)  - Yếu tố chủ yếu tạo nên xã hội là do hoạt động của con người.  - Có con người mới có xã hội, mà con người là sản phẩm của giới tự nhiên nên xã hội cũng là sản phẩm của giới tự nhiên.  - Xã hội là một bộ phận đặc thù của giới tự nhiên vì xã hội là hình thức tổ chức cao nhất của giới tự nhiên có cơ cấu xã hội mang tính lịch sử riêng, có những quy luật riêng.  ***c. Con người có thể nhận thức, cải tại thế giới khách quan.***  **-** *Con người có thể nhận thức và cải tạo thế giới khách quan vì:*  + Nhờ các giác quan và bộ não  + Nhờ nhận thức được nên con người có thể cải tạo được thế giới khách quan.  *- Nhận thức và cải tạo* thế giới khách quan phải tuân theo quy luật vận động khách quan vốn có của nó.  - Nếu không tôn trọng quy luật khách quan con người sẽ gây hại cho TN và XH. |

***4. Củng cố.***

- GV hệ thống và nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của tiết và toàn bài

- Cho HS làm bài tập 2 trong SGK trang 18

***5. Dặn dò nhắc nhở.***

Về nhà làm các bài tập còn lại ở cuối bài học, học bài cũ và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

**Bài 3 - SỰ VẬN ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA THẾ GIỚI VẬT CHẤT**

**I. Mục tiêu bài học.**

***1. Về kiến thức.***

- Hiểu được KN vận động, phát triển theo quan điểm của CNDVBC.

- Biết được vận động là phương thức tồn tại của vật chất và phát triển là khuynh hướng chung của quá trình vận động của SVHT trong thế giới khách quan.

***2. Về kĩ năng.***

- Phân loại được 5 hình thức vận động cơ bản của TGVC.

- So sách được sự giống và khác nhau giữa vận động và phát triển

***3. Về thái độ.***

Xem xét SVHT trong sự vận động và phát triển không ngừng của chúng.

**II. Tài liệu và phương tiện dạy học.**

- SGK, SGV GDCD 10

- Câu hỏi tình huống GDCD 10, TLBD ND và PP GDCD 10

- Sách TH Mác-Lênin

- Sơ đồ về các chiều hướng vận động

**III. Tiên trình lên lớp.**

***1. Ổn định tổ chức lớp.***

***2. Kiểm tra bài cũ.***

? Em hãy giải thích tại sao con người có thể nhận thức và cải tạo được thế giới khách quan?

***3. Học bài mới.***

Tục truyền: Trong một cuộc tranh luận giữa các nhà TH cổ đại Hi Lạp, một bên khẳng đình SV là tĩnh tại bất động. Còn bên kia thì ngược lại. thay cho lời tranh luận, một nhà TH đã đứng dậy, rời bỏ phòng họp. Cử chỉ cuối cùng nói lên ông ta thuộc phía nào của cuộc tranh luận.... đó là nội dung nghiên cứu của bài hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| *GV cho HS thảo luận VD (phần in nghiêng trang 19 SGK) và HD HS tìm thêm các VD để HS tìm ra nội hàm KN vận động.*  ? Em hãy quan sát xung quanh em có SVHT nào không vận động không? có ý kiến: “Con tàu thì vận động còn đường tàu thì không” em có suy nghĩ gì?  *Cho HS đọc phần in nghiêng trang 20 SGK và sau đó đưa ra các câu hỏi HS cùng thảo luận.*  ? Theo em tại sao vận động là phương thức tồn tại của thế giới vật chất? Cho ví dụ?  ? Theo em giữa vận động và đứng im cái nào là tuyệt đối cái nào là tương đối?  *Thế giới vật chất hết sức phong phú và đa dạng cho nên hình thức vận động cũng đa dạng và phong phú, nhưng triết học Mác Lênin đã khái quát thành 5 hình thức vận động cơ bản từ thấp đến cao.*  ? Cho học sinh lấy ví dụ cho từng hình thức vận động?  ? Các hình thức vận động có mối quan hệ với nhau không? theo chiều hướng nào?  *GV tổ chức cho HS trả lời theo các câu hỏi sau.*  ? Theo em tất cả mọi sự vận động có phải đều là phát triển không? vì sao?  ? Sự biến đổi như thế nào của SVHT được gọi là sự phát triển?  ? Em hãy chỉ ra sự giống và khác nhau giữa vận động và đứng im?  *GV hướng dẫn HS vận dụng kiến thức của nhiều môn học để làm sáng tỏ vấn đề này?*  *Tổ chức cho HS cả lớp thảo luận, phân tích phần in nghiêng trong SGK trang 22. phân tích cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta trong giai đoạn 1954 - 1975.*  ? Giai đoạn cách mạng này diễn ra đơn giản hay phức tạp?  ? Có lúc nào quanh co hay thụt lùi không? kết quả cuối cùng là gì?  GV nhận xét và đưa ra kết luận?  ? Qua bài học này em rút ra bài học gì cho bản thân? | **1. Thế giới vật chất luôn luôn vận động**  ***a. Thế nào là vận động***.  ***- Nhận xét:***  + Mọi SV - HT đều vận động  + Có trong tự nhiên và xã hội  + Có thể quan sát trực tiếp hoặc gián tiếp  - ***Khái niệm:*** VĐ là sự biến đổi nói chung của các SVHT trong tự nhiên và xẫ hội  ***b. Vận động là phương thức tồn tại của thế giới vật chất.***  - VĐ là thuộc tính vốn có, là phương thức tồn tại của các SVHT  VD: Sự sống chỉ tồn tại khi có trao đổi chất với môi trường hay trái đất chỉ tồn tại khi tự nó quay quanh trục của nó và xung quanh mặt trời.  - VĐ là tuyệt đối còn đứng im là tương đối tạm thời.  ***c. Các hình thức VĐ cơ bản của thế giới VC.***  - Vận động cơ học: là sự di chuyển vị trí của các vật trong không gian – cho ví dụ  - Vận động vật lý: sự VĐ của các phân tử, hạt cơ bản... – cho ví dụ  - Vận động hóa học: quá trình hóa hợp và phân giải các chất – cho ví dụ  - Vận động sinh học: sự trao đổi chất giữa cơ thể sống với môi trường – cho ví dụ  - Vận động xã hội: sự biến đổi thay thế các XH trong lịch sử – cho ví dụ  *\* Mối quan hệ giữa các hình thức vận động*  - Có mối quan hệ chặt chẽ  - Dạng vận động sau bao giờ cũng cao hơn và bao hàm vận động trước.  **2. Thế giới vật chất luôn luôn phát triển.**  ***a. Thế nào là phát triển.***  - PT là VĐ tiến lên từ thấp đến cao  - PT từ đơn giản dến phức tạp, hoàn thiện  - Cái mới ra đời thay thế cái cũ, cái tiến bộ thay thế cho cái lạc hậu.  ***b. Phát triển là khuynh hướng tất yếu của thế*** giới vật chất.  - VĐ có nhiều khuynh hứớng, trong đó vận động tiiến lên (pt) là khuynh hướng tất yếu của TGVC.  *\* Bài học:*  - Luôn luôn nhìn nhận SVHT trong trạng thái VĐ  - Tuân theo sự VĐ của quy luật TN và XH  - Luôn ủng hộ cái mới, cái tiến bộ. |

***4. Củng cố.***

- Hệ thống lại kiến thức cơ bản, trong tâm của bài.

- Cho học sinh làm bài tập 6 trong SGK trang 23 *(thể hiện bằng sơ đồ)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | **XH** |
|  |  |  | **SH** |  |
|  |  | **HH** |  |  |
|  | **VL** |  |  |  |
| **CH** |  |  |  |  |

***5. Dặn dò nhắc nhở.***

Về nhà trả lời các câu hỏi cuối bài học, học bài cũ và chuẩn bị bài mới.

**Bài 4: NGUỒN GỐC VẬN ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA SVHT *(Tiết 1)***

**I. Mục tiêu bài học.**

***1. Về kiến thức.***

- Hiểu được KN mâu thuẫn theo quan điểm của CNDVBC.

- Nắm được mặt đối lập của mâu thuẫn, sự thống nhất giữa các mặt đối lập.

***2. Về kĩ năng.***

- Biết phân tích và so sánh giữa mâu thuẫn triết học với mâu thuẫn thông thường.

- Biết phân tích một số mâu thuẫn trong các sự vật hiện tượng.

***3. Về thái độ.***

Có ý thức tham hiải quyết một số mâu thuẫn trong cuộc sống phù hợp với lứa tuổi.

**II. Tài liệu và phương tiện dạy học.**

- SGK, SGV GDCD 10

- Câu hỏi thực hành GDCD 10, TLBD ND và PP GDCD 10

- Sách TH Mác-Lênin

**III. Tiên trình lên lớp.**

***1. Ổn định tổ chức lớp.***

***2. Kiểm tra bài cũ.***

? Tại sao vận động là phương thức tồn tại của TGVC? Theo quan điểm Mác-Lênin có mấy hình thức vận động cơ bản? cho VD minh họa?

***3. Học bài mới***

Chủ nghĩa duy tâm và tôn giáo cho rằng mọi sự biến hóa trong vũ trụ là do một lực lượng siêu nhiên nào đó. Trái lại chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định nguồn gốc vận động và phát triển của mọi sự vật hiện tượng là do mâu thuẫn trong bản thân của chúng. Vậy mâu thuẫn là gì?....

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| --- | --- |
| Giáo viên sử dụng phương pháp nêu vấn đề, đàm thoại, giải quyết vấn đề.  ? Em hãy đưa ra một vài ví dụ về mâu thuẫn?  ? Mặt đồng hóa ở một cơ thể A và dị hóa ở cơ thể B có tạo thành mâu thuẫn không?  Từ đó giáo viên đua ra khái niệm mâu thuẫn thông thường và mâu thuẫn triết học. Qua đó chỉ cho học sinh thấy chỉ hai mặt đối lập ràng buộc nhau trong mọi sự hiện tượng mới tạo thành mâu thuẫn.  ? Lấy ví dụ về mâu thuẫn thông thường và mâu thuẫn triết học?  Giáo viên giúp học nắm được một số mâu thuẫn hay là Phân loại mâu thuẫn.  - Căn cứ vào quan hệ SV được xem xét.  + *MT bên trong: là sự tác động qua lại giữa các mặt trong cùng một sự vật.*  *+ MT bên ngoài: diễn ra giữa SV này với SV khác.*  - Căn cứ vào sự tồn tại và phát triển của SV.  *+ MT cơ bản: QĐ bản chất, sự PT của SV*  *+ MT không cơ bản: chỉ một đặc trưng cho một phương diện nào đó của SV.*  - Căn cứ vào vai trò của MT đôí với sự tồn tại và PT của SV.  *+ MT chủ yếu: là mt nổi lên hàng đầu và chi phối các mt khác.*  *+ MT thứ yếu: là mt ra đời và tồn tại trong một giai đoạn nào đó và bị mt chủ yếu chi phối.*  - Căn cứ vào tính chất các QH lợi ích.  *+ MT đối kháng: là mt giữa các GC có lợi ích đối lập nhau.*  *+ MT không đối kháng: mt giữa những LLXH có lợi ích cơ bản thống nhất với nhau.*  Từ khái niệm mâu thuẫn giáo viên cho học sinh lấy ví dụ về các mặt đối lập trong mâu thuẫn.  ? Em hãy lấy ví dụ các mặt đối lập trong mâu thuẫn?  ? Hai mặt đối lập phản ánh những gì? Nó vận động theo nhũng chiều hướng nào?  ? Tại sao các mặt đối lập lại có sự thống nhất với nhau?  ? Sự thống nhất giữa các mặt đối lập được thể hiện như thế nào? | **1. Thế nào là mâu thuẫn**  – Mâu thuãn thông thường.  + Các mặt đối lập trái ngược nhau  + Chúng tách rời tương đối, không liên hệ với nhau  - Mâu thuẫn triết học: vừa đối lập vừa xung đột, vừa liên hệ làm tiền đề cho nhau.  - KN mâu thuẫn: là một chỉnh thể trong đó hai mặt đối lập vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau.  ***a. Mặt đối lập của mâu thuẫn.***  **- *VD***:  + N.thức: tích cực - tiêu cực  + KT: sản xuất - tiêu dùng  + S.học: đồng hóa - dị hóa  ***- Nhận xét:***  + Phản ánh những khuynh hướng, tính chất, đặc điểm trái ngược nhau trong mỗi sự vật hiện tượng.  + Là những mặt đối lập ràng buộc, thống nhất và đấu tranh với nhau trong mâu thuẫn.  ***b. Sự thống nhất giữa các mặt đối lập.***  Đặc điểm  + Các mặt đối lập phải cùng tồn tại trong một sự vật.  + Các mặt đối lập phải lien hệ, làm tiền đề tồn tại cho nhau.  + Chúng có thể chuyển hóa cho nhau. |

***4. Củng cố.***

- GV hệ thống và nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của tiết học

***5. Dặn dò nhắc nhở.***

Về nhà học bài cũ và chuẩn bị bài mới trước khi đến lớp.

**Bài 4: NGUỒN GỐC VẬN ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA SVHT *(Tiết 2)***

**I. Mục tiêu bài học.**

***1. Về kiến thức.***

- Hiểu được sự đấu tranh giữa các mặt đối lập.

- Biết được sự đấu tranh giữa các mặt đối lập là nguồn gốc khách quan của mọi sự vận động, phát triển của sự vật hiện tượng.

***2. Về kĩ năng.***

- Biết phân tích và so sánh giữa mâu thuẫn triết học với mâu thuẫn thông thường.

- Biết phân tích một số mâu thuẫn trong các sự vật hiện tượng.

***3. Về thái độ.***

Có ý thức tham hiải quyết một số mâu thuẫn trong cuộc sống phù hợp với lứa tuổi.

**II. Tài liệu và phương tiện dạy học.**

- SGK, SGV GDCD 10

- Câu hỏi thực hành GDCD 10, TLBD ND và PP GDCD 10

- Sách TH Mác-Lênin

**III. Tiến trình lên lớp.**

***1. Ổn định tổ chức lớp.***

***2. Kiểm tra bài cũ.***

? Tại sao vận động là phương thức tồn tại của TGVC? Theo quan điểm Mác-Lênin có mấy hình thức vận động cơ bản? cho VD minh họa?

***3. Học bài mới***

Trong mỗi mâu thuẫn luôn tồn tại hai mặt đối lập, thống nhất với nhau. Hai mặt đối lập tồn tại bên nhau nếu thiếu một trong hai mặt đối lập thì mâu thuẫn sẽ không tồn tại. Hai mặt đối lập lại vận động theo hai chiều hướng trái ngược nhau. Vì vậy chúng sẽ xuất hiện đấu tranh của hai mặt đối lập. Hôm nay chúng học tiếp bài ….

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| --- | --- |
| Giáo viên giúp cho học sinh nắm được sự đấu tranh giữa các mặt đối lập.  Giáo viên đưa ra các ví dụ (ở bên) để cho học sinh cả lớp trao đổi và đưa ra ý kiến.  ? Các mặt đối lập này có nhứng biếu hiện gì?  ? Những biểu hiện đó có ý nghĩa gì đối với mâu thuẫn?  Học sinh bày tỏ ý kiến cá nhân, cả lớp trao đổi, sau đó giáo viên nhận xét, bổ xung và kết luận.  Giúp cho học sinh nắm được là giải quyết mâu thuận là làm cho mâu thuẫn mất đi và đấu tranh giữa các mặt đối lập là điều kiện tiên quyết để giải quyết mâu thuẫn, đồng thời mâu thuẫn chỉ được giải quyết khi sự đấu tranh giữa các mặt đối lập lên tới đỉnh điểm và có điều kiện thích hợp.  Giáo viên đưa ra các tình huống:  *Tình huống 1:* Mâu thuân cơ bản giữa nhân dân Việt Nam với đế quốc Mỹ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ được giải quyết có tác dụng như thế nào?  *Tình huống 2:* Mâu thuẫn giữa chăm học và lười học nếu được giải quyết nó có tác dụng như thế nào?  Học sinh cả lớp trao đổi ý kiến, đại diện cá nhân trả lời sau đó giáo viên nhận xét kết luận  ? Em hãy tìm ra một mâu thuẫn ở trong lớp em?  ? Khi mâu thuẫn đó được giải quyết thì nó sẽ có tác dụng như thế nào?  ? Theo em tại sao mâu thuẫn chỉ được giải quyết bằng hình thức đấu tranh?  ? Em hãy lấy một số ví dụ mâu thuẫn mà các mâu thuẫn này được giải quyết bằng đấu tranh?  Thông qua bài học này giáo viên yêu cầu và giúp học rút ra bài học cho bản thân.  ? Thông qua bài học này các em rút ra bài học gì cho bản thân? | ***c. Sự đấu tranh giữa các mặt đối lập.***  - Ví dụ  + Trong xã hội TB có mâu thuẫn giữa GCTS với GCVS.  + Trong lối sống: có văn hóa và không có văn hóa.  + Trong kinh tế: có sản xuất và có tiêu dung.  - Nhận xét;  + Các mặt đối lập xung đột nhau, khuynh hướng vận động trái ngược nhau.  + Chúng luôn tác động, bài trừ, gạt bỏ nhau.  + Theo triết học các mặt đối lập không hoàn toàn đối lập, xung đột mà còn lien hệ thống nhất với nhau trong một sự vật.  **2. Mâu thuẫn là nguồn gốc vận động, phát triển của sự vật hiện tượng.**  ***a. Giải quyết mâu thuẫn.***  - Sự đấu tranh giữa các mặt đối lập là nguồn gốc vận động, phát triển của sự vật hiện tượng.  - Kết quả của đấu tranh giữa các mặt đối lập là mâu thuẫn cũ mất đi và mâu thuân mới hình thành.  ***b. Mâu thuẫn chỉ được giải quyết bằng đấu tranh.***  Mâu thuân chỉ có thể giải quyết bằng đấu tranh giữa các mặt đối lập chứ không phải bằng con đường điều hòa mâu thuẫn.  **3. Bài học.**  - Giải quyết mâu thuẫn phải có phương pháp đúng.  - Phân tích điểm mạnh điểm yếu của mặt đối lập.  - Nâng cao nhận thức, phát triển nhân cách  - Biết đấu tranh phê và tự phê bình. |

***4. Củng cố.***

- GV hệ thống và nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của tiết học

- Học trả lời các câu hỏi cuối bài học.

***5. Dặn dò nhắc nhở.***

Về nhà học bài cũ và chuẩn bị bài mới trước khi đến lớp.

**Bài 5: CÁCH THỨC VẬN ĐỘNG, PHÁT TRIỂN CỦA SỰ VẬT VÀ HIỆN TƯỢNG**

**I. Mục tiêu bài học.**

***1. Về kiến thức.***

Hiểu được khái niệm chất và lượng của SVHT, mối quan hệ biện chứng giữa biến đổi về lượng và sự biến đổi về chất của SVHT.

***2. Về kĩ năng.***

Chỉ ra được sự khác nhau giữa chất và lượng, sự biến đổi của lượng và chất.

***3. Về thái độ.***

Có ý thức kiên trì trong học tập và ren luyện, không coi thường việc nhỏ, tránh nôn nóng trong học tập.

**II. Tài liệu và phương tiện dạy học.**

- SGK, SGV GDCD 10

- Câu hỏi thực hành GDCD 10, TLBD ND và PP GDCD 10

- Sách TH Mác-Lênin

**III. Tiến trình lên lớp.**

***1. Ổn định tổ chức lớp.***

***2. Kiểm tra bài cũ.***

? Tại sao hai mặt vừa đối lập, vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau?

***3. Học bài mới***

Sự vận động và phát triển của SVHT trong thế giới khách quan rất đa dạng. Cách thức phổ biến nhất của chúng là sự biến đổi dần dần về lượng dẫn đến sự biến đổi nhanh về chất.

| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| --- | --- |
| Mỗi sự vật hiện tượng trong thế giới khách quan đều có mặt chất và mặt lượng thống nhất với nhau.  ? Em hãy chỉ ra những thuộc tính cơ bản Cu?  *Cu có thuộc tính cơ bản (nguyên tử lượng 63,54; độ nóng chảy 10830C; độ sôi 28800C…*  ? Em haỹ chỉ ra những thuộc tính cơ bản của chế độ XHCN?  *XHCN có những thuộc tính cơ bản (công hữu; không còn áp bức bóc lột, làm theo năng lực…)*  *Như vậy tổng hợp các thuộc tính này quy định bản chất của Cu và của XHCN.*  ? Em hãy chỉ ra những thuộc tính cơ bản của cái cốc uống nước?  *Cốc uống nước (làm bằng…; hình…; công dụng…; màu…)*  ? Theo em việc phân biệt giữa thuộc tính cơ bản và thuộc tính không cơ bản mạng tính tuyệt đối hay tương đối? cho ví dụ?  ? Em hãy lấy ví dụ thể hiện lượng?  *VN lượng: dân số (86 triệu); diện tích..*  *Nước gồm 2 nguyên tử H; 1 nguyên tử O*  ? Theo em sự phân biệt giữa chất và lượng mang tính tương đối hay tuyệt đối?  ? Theo em việc tăng hoặc giảm nhiệt độ của nước diễn ra như thế nào?  ? Theo em mọi sự biến đổi về lượng có dẫn đến sự biến đổi về chất ngay hay không?  ? Em hãy lấy ví dụ nói lên độ?  Khi sự biến đổi về lượng đạt đến một giới hạn nhất định thì phá vỡ sự thống nhất giữa chất và lượng thì chất mới ra đời được gọi là nút.  ? Em hãy lấy ví dụ thể hiện nút?  ? Em hãy chỉ ra cách thức biến đổi của lượng?  ? Em hãy lấy ví dụ chất mới ra đời lại bao hàm một lượng mới tương ứng?  ? Em hãy chỉ ra cách thức biến đổi của chất?  ? Thông qua bài học này các em rút ra những bài học gì cho bản thân? | **1. Chất**  ***- Khái niệm:*** Chất dung để chỉ những thuộc tính cơ bản vốn có của SVHT, tiêu biểu cho SVHT đó, phân biệt nó với các SVHT khác  ***- Chú ý:***  + Mỗi SVHT đều có nhiều thuộc tính nhưng chỉ có thuộc tính cơ bản mới quy định bản chất của SVHT.  + Việc phân biệt giữa thuộc tính cơ bản và không cơ bản chỉ mang tính tương đối.  + Phải phân biệt được chất thông thường với chất theo nghĩa triết học.  **2. Lượng.**  ***- Khái niệm:*** dung để chỉ những thuộc tính cơ bản vốn có của SVHT, biểu thị trình độ phát triển (cao - thấp) quy mô (lớn – nhỏ) tốc độ vận động (nhanh – chậm) số lượng (ít-nhiều)…của SVHT.  ***- Chú ý:*** sự phân biệt giữa chất và lượng chỉ mang tính chất tương đối.  *VD:* Số lượng HS có học lực Khá của lớp 10A12 nói lên chất lượng học tập của lớp đồng thời nói lên số lượng HS có học lực khá của lớp.  **3. Quan hệ giữa sự biến đổi về lượng và sự biến đổi về chất.**  ***a. Sự biến đổi về lượng dẫn đến sự biến đổi về chất.***  *- VD1:* Trong ĐK bình thường nước ở trạng thái lỏng, nếu tăng nhiệt độ lên 100­­­­­0C chuyển sang thể hơi và nếu còn 00C thì chuyển sang thể rắn  *- VD2:* Một HS lớp 10 sau 9 tháng học lên lớp 11 (tích lũy về lượng: kiến thức, cân nặng, tuổi, cao…)  ***- Độ:*** là giới hạn mà sự biến đổi về lượng chưa làm sự biến đổi về chất của SVHT.  VD: ranh giới tồn tại của nước ở lỏng là:  00C < H20 (250C) < 1000C  ***Chú ý***: phân biệt được đọ thông thường với độ theo nghĩa triết học.  ***- Nút***: là điểm giới hạn mà tại đó sự biến đổi về lượng làm thay đổi về chất cuả SVHT.  VD: 00C > H20 (250C) > 1000C  - *Cách thức biến đổi của lượng.*  + Lượng biến đổi trước và biến đổi dần dần.  + Sự biến đổi về chất bắt đầu từ lượng.  ***b. Chất mới ra đời lại bao hàm một lượng mới tương ứng.***  *VD:* 1HS sau 9 tháng học lên lớp 11 chất mới là: một lượng kiến thức mới, thời gian học, chiều cao, cân nặng, tính cách…  - Cách thức biến đổi của chất  + Chất biến đổi sau, nhanh  + Chất mới ra đời lại hình thành một lượng mới phù hợp với nó.  **4. Bài học.**  - trong học tập và rèn luyện phải kiên trì, nhẫn lại, không coi thường việc nhỏ.  - Tránh nóng vội, đốt cháy giai đoạn, hoạt động nửa vời. |

***4. Củng cố.***

- GV hệ thống và nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của tiết học

- Cho HS so sánh giữa chất và lượng.

+ Giống nhau: là thuộc tính vốn có của SVHT, có mối quan hệ qua lại.

+ Khác: ***Lượng:*** chỉ trình độ phát triển….; biến đổi trước, chậm, theo hướng tăng hoặc giảm.

***Chất:*** thuộc tính cơ bản….; biến đổi sau và nhanh.

- Cho HS làm bài tập sau:

Cho một HCN có chiều dài 40cm, chiều rộng 20cm người ta có thể tăng hoặc giảm chiều rộng theo hai phía.

*a. Lượng thay đổi như thế nào?*

Phụ thuộc vào chiều rộng của HCN: *Nếu tăng chiều rộng lên 40cm…*

*Nếu giảm chiều rộng xuống 0cm thì…*

*b. Chất mới là gì?*

Phụ thuộc vào chiều rộng của HCN: *Đường thẳng*

c. Xác định độ và nút

0cm < độ < 40cm

0cm = nút = 40cm

***5. Dặn dò nhắc nhở.***

Về nhà học bài cũ và chuẩn bị bài mới trước khi đến lớp.

**Bài 6: KHUYNH H ƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA SỰ VẬT VÀ HIỆN TƯỢNG**

**I. Mục tiêu bài học.**

***1. Về kiến thức.***

- Nêu được khái niệm phủ định, phủ định biện chứng và phủ định siêu hình.

- Biết được phát triển là khuynh hướng chung của sự vâth và hiện tượng.

***2. Về kĩ năng.***

Liệt kê đựơc sự khác nhau giữa phủ định BC với phủ định siêu hình, mô tả được hình “xoắn ốc” của sự phát triển.

***3. Về thái độ.***

Phê phán thái độ phủ định sạch trơn quá khứ hoặc kế thừa thiếu chọn lọc đối với cái cũ, ủng hộ cái mới, cái tiến bộ.

**II. Tài liệu và phương tiện dạy học.**

- SGK, SGV GDCD 10

- Câu hỏi thực hành GDCD 10, TLBD ND và PP GDCD 10

- Sách TH Mác-Lênin

**III. Tiến trình lên lớp.**

***1. Ổn định tổ chức lớp.***

***2. Kiểm tra bài cũ.***

? Em hãy trình bày quan về sự biến đổi về lượng và sự biến đổi về chất? lấy ví dụ minh hoạ?

***3. Học bài mới***

- Giáo viên lấy VD: Trong XHTBCN: GCTS mâu thuân với GCVS

- Học sinh nhận xét:

+ Chỉ ra hai mặt đối lập

+ Giải quyết mâu thuẫn => XH mới ra đời XH XHCN

Sự vật mới ra đời thay thế sự vật cũ thì khuynh hướng của sự vật đó là gì. Vậy để hiểu rõ hơn khuynh hướng vận động, phát triển của sự vật hiện tượng hôm nay thầy và các em …

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| --- | --- |
| *Giáo viên đưa ra các ví dụ và từ các ví dụ đưa ra các câu hỏi tình huống, câu hỏi gợi mở để từ đó học sinh nắm bắt đựơc nội dung kiến thức.*  Ví dụ: đốt rừng; chặt cây; bắn chết thú rừng  ? Vậy theo các em các sự vật này còn tồn tại hay không?  ? Sự vật này bị xoá bỏ và không còn tồn tại thì đựoc gọi là gì?  *Để nắm được thế nào là phủ định siêu hình giáo viên đưa ra các ví dụ và từ các ví dụ đưa ra các câu hỏi tình huống, câu hỏi gợi*  *mở để từ đó học sinh nắm bắt đựơc nội dung kiến thức.*  *Ví dụ:* Hạt lúa → xay thành gạo  Hoá chất độc hại → tiêu diệt sinh vật  ? Sự vật trên có bị xoá bỏ sự tồn tại hay không?  ? Vậy theo em sự xoá bỏ sạch trơn này còn được gọi là gì?  ? Theo em phủ định biện chứng có những đặc điểm cơ bản nào?  ? Tai sao phủ định biện chứng lại mang đặc điểm tính khách quan?  ? Tại soa phủ định biện chứng lại mạng đặc điểm tính kế thừa?  ? Vậy theo em tính kế thừa có kế thừa tất cả các yếu tố cũ hay không? Cho ví dụ?  *Ví dụ*  Xây dựng nền văn hoá tiên tiến đậm đà...  CNXH ra đời từ xã hội cũ...  Giáo viên giảng về khái niệm phủ định của phủ định, giáo viên có thể sử dụng sơ đồ để học sinh đưa ra được ví dụ.  ? Em hãy xác định đâu là phủ định lần 1 đâu là phủ định lần 2?  ? Theo em phủ định lần hai có ý nghĩa như thế nào?  ? Vậy qua bài học này các em rút ra bài học gì cho bản thân? | **1. Phủ định biện chứng và phủ định siêu hình.**  Phủ định là xoá bỏ sự tồn tại của sự vật, hiện tượng nào đó.  **a. Phủ định siêu hình.**  Là sự phủ định do sự can thiệp, sự tác động từ bên ngoài, cản trở hoặc xoá bỏ sự tồn tại và phát triển tự nhiên của sử vật.  **b. Phủ định biện chứng.**  ***- Khái niệm:*** Là sự phủ định diễn ra do sự phát triển của bản thân sự vật và hiện tượng, có kế thừa những yếu tố tích cực của sự vật và hiện tượng cũ để phát triển sự vật hiện tượng mới.  ***- Đặc điểm của phủ định.***  *+ Tính khách quan:* mang tính tất yếu, tức là cái vốn có của SVHT.  Nó mang tính khách quan vì tự thân nó phủ định.  *+ Mang tính kế thừa:* SVHT mới ra đời từ SVHT cũ có kế thừa chọn lọc những yếu tố tích cự và loại bỏ yếu tố tiêu cực, lỗi thời và tính kế thừa cũng là tất yếu khách quan.  **2. Khuynh hướng phát triển của sự vật và hiện tượng.**  **a. Phủ định của phủ định**  **giao-an-gdcd-10-bai-6-a**  **b. Khuynh hướng phát triển của sự vật và hiện tượng.**  Là vận động đi lên, cái mới ra đời, kế thừa và thay thế cái cũ nhưng ở trình độ ngày càng cao hơn, hoàn thiện hơn.  **3. Bài học.**  - Biết nhận thức cái mới, ủng hộ cái mới  - Tôn trọng quá khứ, tránh bảo thủ, phủ định sạch trơn, cản trở sự tiến bộ. |

***4. Củng cố.***

- GV hệ thống và nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của tiết học

- Học trả lời các câu hỏi cuối bài học.

***5. Dặn dò nhắc nhở.***

Về nhà học bài cũ để tiết sau kiểm tra 1 tiết.

**Bài 7: THỰC TIỄN VÀ VAI TRÒ CỦA THỰC TIỄN ĐỐI VỚI NHẬN THỨC**

***(Tiết 1)***

**I. Mục tiêu bài học.**

***1. Về kiến thức.***

Giúp học sinh biết được thế nào là nhận thức, và nắm được quá trình nhận trải qua hai giai đoạn.

***2. Về kĩ năng.***

Giải thích được mọi hiểu biết của con người đều bắt nguồn từ thục tiễn.

***3. Về thái độ.***

Có ý thức tìm hiểu thực tế và vận dụng những điều đã học vào cuộc sống hàng ngày.

**II. Tài liệu và phương tiện dạy học.**

- SGK, SGV GDCD 10

- Câu hỏi thực hành GDCD 10, TLBD ND và PP GDCD 10

- Sách TH Mác-Lênin

**III. Tiến trình lên lớp.**

***1. Ổn định tổ chức lớp.***

***2. Kiểm tra bài cũ.***

***3. Học bài mới***

Để biến đổi được sự vật, cải tạo được thế giới khách quan con người phải hiểu biết sự vật, phải có tri thức về thế giới. Nhưng tri thức không có sẵn trong con người. Muốn có tri thức con người phải tiến hành hoạt động thực tiễn. Vậy thực tiễn là gì? Có vai trò ra sao? Hôm nay...

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| --- | --- |
| Giáo viên đưa ra các quan điểm về nhận thức từ đó cho học sinh thảo luận các quan điểm về nhận thức.  Giáo viên nhân xét, rút ra kết luận, từ đó cho học sinh quan sát về quả cam.  ? Em có nhận xét gì về quả cam? (Hình, vị, mùi, màu...)  ? Nhờ đâu mà em nhận biết được về quả cam đó?  ? Vậy em hiểu như thế nào về nhận thức?  Giáo viên cho học sinh quan sát và nhận xét quả cam và quả bưởi.  ? Chúng có những đặc điểm gì? (hình, màu, mùi, vị, nặng)  ? Nhờ đâu mà ta biết được các đặc điểm đó?  ? Em hiểu thế nào là cảm giác?  ? Giáo cho học sinh được gửi, nếm quả cam sau đó yêu cầu học sinh nhận xét?  ? Em hiểu thế nào là tri giác?  ? Khi chúng ta đã được thức hiện các bước cảm giác và tri giác cho dù SVHT đó không còn nhưng chúng vẫn hình dung ra SVHT vậy gọi đó là gì? (tri giác)  ? Em hiểu thế nào là biểu tượng?  ? Theo em giai đoạn nhận thức cảm tính có ưu và nhược điểm gì?  Đối với giai đoạn nhận thức lý tính giáo viên tổ chức cho học sinh nắm được kiến thức bằng cách các ví dụ.  ? Em hãy chỉ ra những thuộc tính cơ bản của H20 và của con người.  ? Từ ví dụ trên em hiểu như thế nào là khái niệm?  *Giáo viên lấy ví dụ:*  Đến với ma túy là đến với tử thần; cá voi không phải là cá.  ? Em hiểu thế nào là phán đoán?  *Giáo viên đưa ra ví dụ:*  Kim loại là chất dẫn điện  Sắt là kim loại  Vậy sắt dẫn điện  => *suy luận diễn dịch*  Hoặc  Đồng là kim loại  Đồng dẫn điện  Vậy kim loại dẫn điện  => *suy luận quy nạp*  ? Vậy theo em NTCT và NTLT có mối quan với nhau như thế nào? | **1. Thế nào là nhận thức.**  ***a. Quan điểm nhận thức.***  - *Triết học duy tâm*: Nhận thức do bẩm sinh hoặc do thần linh mách bảo.  - *Triết học duy vật trước Mác*: Nhận thức chỉ là sự phản ánh đơn giản, máy móc, thụ động.  - *Triết học duy vật biên chứng*: Nhận thức bắt nguồn từ thực tiễn.  ☺ Nhận thức là quá trình phản ánh SVHT của thế giới khách quan vào bộ óc con người để tạo ra những hiểu biết về chúng.  ***a. Hai giai đoạn của quá trình nhận thức.***  ***- Nhận thức cảm tính (TQSĐ):*** Là con đường tiếp xúc trực tiếp SVHT bằng các giác quan để đem lại hiểu biết bên ngoài SVHT.  + Ba hình thức nhận cảm tính:  *☺Cảm giác:* Là sự phản ánh từng mặt, từng thuộc tính bên ngoài của SVHT khi chúng tác động trực tiếp vào các giác quan.  *☺ Tri giác:* Là sự tổng hợp nhiều giác quan đem lại hiểu biết hoàn chỉnh về SVHT.  *☺Biểu tượng:* Là hình ảnh của sự vật được giữ lại và tái hiện lại trong trí nhớ.  + Ưu điểm và nhược điểm.  *☺ Ưu điểm*: Quan sát trực tiếp SVHT  *☺Nhược điểm:* Mới hiểu bên ngoài SVHT.  ***- Nhận thức lý tính (TDTT):*** Là giai đoạn tiếp theo nhưng đi sâu vào bản chất sự vật nhờ các thao tác tư duy như phân tích, so sánh, tổng hợp... để tìm ra bản chất của SVHT.  *+ Khái niệm:* chỉ tên một sự vật, chứa đựng những thuộc tính cơ bản của SV và nó được biểu thị bằng một từ hoặc một cụm từ.  *+ Phán đoán:* Là sự khẳng định hoặc phủ đinh một thuộc tính nào đó của SVHT và phán đoán phải căm cứ vào tiền đề cho trước.  *+ Suy luận:* Từ hai phán đoán làm tiền đề rút ra kết luận hay phán đoán mới. Suy luận là hình thức tư duy trừu tượng nó căn cứ vào các phán đoán rồi rút ra kết luận.  ***- Mối quan giữa nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính.***  + NTCT là cơ sở để NTLT  + NTCT càng phong phú thì NTLT càng sâu sắc.  + NTLT giúp con người hiểu và nắm vững cái tất yếu và vận dụng vào mục đích của mình. |

***4. Củng cố.***

- GV hệ thống và nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của tiết học

- Học trả lời các câu hỏi cuối bài học.

***5. Dặn dò nhắc nhở.***

Về nhà học bài cũ và chuẩn bị bài mới.

**Bài 7: THỰC TIỄN VÀ VAI TRÒ CỦA THỰC TIỄN ĐỐI VỚI NHẬN THỨC**

***(Tiết 2)***

**I. Mục tiêu bài học.**

***1. Về kiến thức.***

Giúp học sinh hiểu được thực tiễn là gì và thực tiễn có vai trò gì đối với quá trình nhận thức.

***2. Về kĩ năng.***

Giải thích được mọi hiểu biết của con người đều bắt nguồn từ thục tiễn.

***3. Về thái độ.***

Có ý thức tìm hiểu thực tế và vận dụng những điều đã học vào cuộc sống hàng ngày.

**II. Tài liệu và phương tiện dạy học.**

- SGK, SGV GDCD 10

- Câu hỏi thực hành GDCD 10, TLBD ND và PP GDCD 10

- Sách TH Mác-Lênin

**III. Tiến trình lên lớp.**

***1. Ổn định tổ chức lớp.***

***2. Kiểm tra bài cũ.***

? Em hẫy trình bày hai giai đoạn của một quá trình nhận thức và mối quan hệ của hai giai đoạn này?

***3. Học bài mới***

Để biến đổi được sự vật, cải tạo được thế giới khách quan con người phải hiểu biết sự vật, phải có tri thức về thế giới. Nhưng tri thức không có sẵn trong con người. Muốn có tri thức con người phải tiến hành hoạt động thực tiễn. Vậy thực tiễn là gì? Có vai trò ra sao? Hôm nay...

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| --- | --- |
| Giáo viên lấy các ví dụ về các hoạt động của con người.  ? Các hoạt động này được bắt nguồn từ và gọi chung là hoạt động gì?  ? Vậy thực tiễn là gì?  ? Tại sao thực tiễn là hoạt động có mục đích, mang tính lịch sử xã hội?  ? Hoạt động thực tiễn có những hình thức cơ bản nào? Lấy ví dụ minh họa cho từng hoạt động?    ? Trong ba hoạt đồng này thì hoạt động nào là cơ bản nhất? Vì sao?  ? Em hãy so sánh hoạt động tinh thần với hoạt động thực tiễn?  Giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm. Giáo viên chia lớp làm 4 nhóm và đặt câu hỏi cho các nhóm.  ***Nhóm 1:***  Vì sao nói thực tiễn là cơ sở của nhận thức? Nêu ví dụ minh họa?  ***Nhóm 2:***  Vì sao nói thực tiễn là động lực của nhận thức? Lấy ví dụ trong học tập để chứng minh?  ***Nhóm 3:***  Vì sao nói thực tiễn là mục đích của nhận thức? Lấy ví dụ để chứng minh?  ***Nhóm 4:***  Vì sao thực tiễn được coi là tiêu chuẩn của chân lý? :Lấy ví dụ để chứng minh?    Học sinh tiến hành thảo luận nhóm và ghi lại các ý kiến của nhóm.    Cử đại diện nhóm trình bày ý kiến, sau đó cả lớp trao đổi.    Giáo viên nhận xét, bổ xung và kết luận ý kiến các nhóm. | **2. Thực tiễn là gì.**  ☺ Hoạt động SX LTTP, hoạt động SX các phương tiện SX...  ☺ Hoạt động cải biến XH, ở địa phương...  ☺ Hoạt động nghiên cứu khoa học, thực nghiệm sản xuất...  *=> Các hoạt động này bắt nguồn từ thực tiễn và gọi là hoạt động thực tiễn.*  ***- Khái niệm:*** Thực tiễn là toàn bộ những hoạt động vật chất có mục đích, mang tính lịch sử xã hội của con người nhằm cải biến TN và XH.  ***- Những hình thức cơ bản của hoạt động thực tiễn:***  + Hoạt động sản xuất vật chất  Ví dụ:  + Hoạt động chính trị xã hội  Ví dụ:  + Hoạt động thực nghiệm khoa học  Ví dụ:  *=> Hoạt động sản xuất vật chất là hoạt động cơ bản nhất.*  **3. Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức.**  ***a. Thực tiễn là cơ sở của nhận thức.***  - Mọi nhận thức của con người dù gián tiếp hay trực tiếp đều bắt nguồn từ thực tiễn.  *- Ví dụ: Từ quan sát thực tiễn => Thiên văn học ra đời. Qua thực tiễn SX mà con người rút ra kinh nghiệm là nhất nước, nhì phân...*  ***b. Thực tiễn là động lực của nhận thức.***  - Thực tiễn luôn đặt ra yêu cầu, nhiệm vụ và phương hướng cho nhận thức phát triển.  *- Ví dụ: Cơ chế thị trường... đòi hỏi đảng ta phải đổi mới.*  ***c. Thực tiễn là mục đích của nhận thức.***  - Mục đích nhận thức là cải tạo hình thức khách quan đáp ứng nhu càu vật chất và tinh thần của con người.  - Các tri thức khoa học chỉ có giá trị khi nó được vạn dụng vào thực tiễn.  *- Ví dụ: phát minh khoa học đưa vào thực tiễn để làm ra của cải vật chất...*  ***d. Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý.***  Chỉ đem những tri thức thu được rút ra kiểm nghiệm qua thực tiễn mới thấy được tính đúng hay sai của thực tiễn.  *Ví dụ: Bác Hồ đã chứng minh “không có gì quý hơn độc lập tự do”* |

***. Củng cố.***

- GV hệ thống và nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của tiết học

- Học trả lời câu hỏi số 5 trong SGK

+ Cho học sinh đọc

+ Giáo viên tóm tắt

+ Trao đổi kết luận:

Trả lời: *Không đồng ý. Vì đó là sự vận dụng lý thuyết vào thực tiễn giúp ta tự nhận biết đúng hay sai của kiến thức đã học, để ghi nhớ kiến thức tốt hơn.*

***5. Dặn dò nhắc nhở.***

Về nhà học bài cũ và chuẩn bị bài mới.

**Bài 8: TỒN TẠI XÃ HỘI VÀ Ý THỨC XÃ HỘI *(Tiết 1)***

**I. Mục tiêu bài học.**

***1. Về kiến thức.***

Giúp học sinh hiểu được các yếu tố của môi trường tự nhiên, vai trò của môi trường tự nhiên và vai trò của dân số..

***2. Về kĩ năng.***

Chỉ ra được một số quan niệm và phong tục, tập quán lạc hậu trong cuộc sống hiện nay.

***3. Về thái độ.***

Coi trọng vai trò quyêt định của tồn tại xã hội và tác động tích cực trở lại của ý thức xã hội.

**II. Tài liệu và phương tiện dạy học.**

- SGK, SGV GDCD 10

- Câu hỏi thực hành GDCD 10, TLBD ND và PP GDCD 10

- Sách TH Mác-Lênin

**III. Tiến trình lên lớp.**

***1. Ổn định tổ chức lớp.***

***2. Kiểm tra bài cũ.***

? Thực tiễn có vai trò gì đối với quá trình nhận thức?

***3. Học bài mới***

Đời sống xã hội bao gồm hai lĩnh vực: Đời sống vật chất *(là tồn tại xã hội),* đời sống tinh thần *(là ý thức xã hội).* vậy các yếu tố của tồn tại xã hội và ý thức xã hội là gì? Hôm nay thầy và các em cùng đi xem xét bài số 8…

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| --- | --- |
| ? Theo em muốn tồn tại và phát triển con người phải làm gì?  ? Vậy muốn tiến hành lao động để tạo ra của cải vật chất thì phải có những yếu tố nào?    *Giáo viên tiến hành tổ chức thảo luận nhóm, giáo viên chia lớp làm 4 nhóm.*  ***Nhóm 1 + 3:***  MTTN có những yếu cơ bản nào? MTTN có vai trò gì đối với con người?    ***Nhóm 2 + 4***  Dân số có vai trò gì? Nguyên nhân chi phối vấn đề dân số (tăng hoặc giảm)? dân số tăng quá nhanh dẫn đến hậu quả gì?  HS: Các nhóm thảo luận và ghi ý kiến của mình.    HS: Cử đại diện nhóm trình bày ý của nhóm mình  GV: Cả 3 nhóm trả lời – HS cả lớp tham gia đóng góp, nhận xét.  GV: Nhận xét, bổ xung và kết luận | **1. Tồn tại xã hội.**  - Để tồn tại và phát triển con người phải tạo ra của cải vật chất và tinh thần.  - Muốn lao động sản xuất con người phải có các yếu tố: MTTN, Dân số, PTSX.  - Tồn tại xã hội là toàn bộ sinh hoạt vật chất và những điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội bao gồm: MTTN, dân số và PTSX.  ***a. Môi trường tự nhiên.***  *- Các yếu tố của MTTN.*  + Điều kiện tự nhiên  Ví dụ: Đất, rừng, biển, khí hậu…  + Của cải tự nhiên  Ví dụ: Tài nguyên, khoáng sản, hải sản…  + Nguồn năng lượng  Ví dụ: Sức gió, năng lượng mặt trời, nước…  *- Vai trò của MTTN:* là điều kiện sinh hoạt tất yếu và thường xuyên của sự tồn tại và phát triển của xã hội.  + Điều kiện thuận lợi  + Điều kiện khó khăn  *- Tác động của con người vào MTTN theo hai hướng*.  + Tích cực như: Tôn tạo, bảo tồn, tái tạo…  + Tiêu cực như: Tàn phá, khai thác cạn kiệt..  - *Khai thác MTTN* phụ thuộc vào trình độ văn hóa, KHKT, chế độ xã hội. Trong đó nhận thức của con người giữ vai trò quyết định.  ***b. Dân số.***  - *Dân số* là số dân sống trong một hoàn cảnh địa lý nhất định.  *- Vai trò của dân số:* Có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển mọi mặt của nước đó, là điều kiện tất yếu của sự tồn tại và phát triển của xã hội.  *- Nguyên nhân chi phối vấn đề dân số.*  + Kinh tế xã hội  + Nhận thức của con người  + Phong tục tập quán  + Chủ trương chính sách pháp luật  *- Hậu quả của việc tăng dân số quá nhanh.*  + Nghèo nàn  + Chất lượng cuộc sống thấp  + Sức ép về LTTP, GD, y tế, việc làm, nhà ở  + Ô nhiễm môi trường  + Tệ nạn xã hội, vấn đề giao thông… |

***4. Củng cố.***

GV hệ thống và nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của tiết học

GV cho học sinh thảo luận câu hỏi: Theo em, có phải nước nào có dân số đông, xã hội sẽ phát triển cao, và ngược lại hay không? Vì sao?

***5. Dặn dò nhắc nhở.***

Về nhà học bài cũ và chuẩn bị bài mới.

**Bài 8: TỒN TẠI XÃ HỘI VÀ Ý THỨC XÃ HỘI *(Tiết 2)***

**I. Mục tiêu bài học.**

***1. Về kiến thức.***

Giúp học sinh hiểu được phương thức sản xuất và các yếu tố của phương thức sản xuất.

***2. Về kĩ năng.***

- Vẽ được sơ đồ phương thức sản xuất

- Chỉ ra được một số quan niệm và phong tục, tập quán lạc hậu trong cuộc sống hiện nay.

***3. Về thái độ.***

Coi trọng vai trò quyêt định của tồn tại xã hội và tác động tích cực trở lại của ý thức xã hội.

**II. Tài liệu và phương tiện dạy học.**

- SGK, SGV GDCD 10

- Câu hỏi thực hành GDCD 10, TLBD ND và PP GDCD 10

- Sách TH Mác-Lênin

**III. Tiến trình lên lớp.**

***1. Ổn định tổ chức lớp.***

***2. Kiểm tra bài cũ.***

? Dân số có vai trò gì đối với sự phát triển KTXH, dân số tăng quá nhanh sẽ gây ra những hậu quả gì?

***3. Học bài mới***

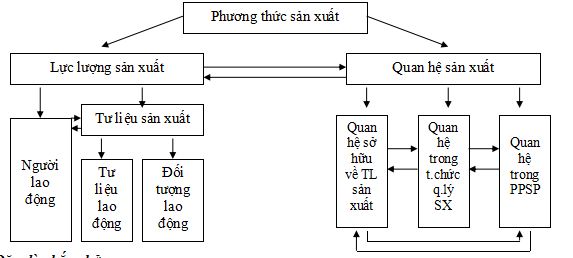
Giờ trước thầy và các em đã phân tích anh hưởng của môi trường tự nhiên, dân số đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội nhưng ảnh hưởng của những nhân tố đó lại phụ thuộc vào các chế độ xã hội do phương thức sản xuất quyết định. Vậy thế nào là phương thức sản xuất? Hôm nay thầy và các em cùng đi tìm hiểu tiếp bài số 8…

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| --- | --- |
| Xã hội loài người đã và đang trải qua 5 chế độ xã hội khác nhau, mỗi chế độ xã hội đều có cách thức sản xuất riêng và cách thức sản xuất đó ảnh hưởng đến sự phát triển của xã hội và cách thức đó gọi là phương thức sản xuất.  ? Loài người đã và đang trải qua 5 chế độ xã hội, vậy đó là những chế độ xã hội nào?  ? Theo em có những nhân tố nào thúc đẩy sự phát triển KTXH?  Giáo viên giúp cho học sinh nắm được hai yếu tố của phương thức sản xuất đó là lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.  ? Lực lượng sản xuất biểu hiện mối quan hệ giữa con người với cái gì? Cho ví dụ?  ? theo em người lao động cần có những yếu tố gì cho quá trình lao động?  ? Tư liệu lao động là gì? Lấy ví dụ minh họa?  ? Đối tượng lao động là gì? Có máy loại? lấy ví dụ minh họa?  ? vậy theo em việc phân biệt giữa đối tượng lao động với tư liệu lao động nó mạng tính chất tương đối hay tuyệt đối? lấy ví dụ minh họa?  Giáo viên giúp học sinh nắm được QHSX là gì và QHSX có nhứng yếu tố nào bằng các câu hỏi đàm thoại.  ? Theo em quan hệ sản xuất nó biểu hiện mối quan hệ gì?  ? Quan hệ sở hữu về tư lieu sản xuất, tức là tư liệu sản xuất thuộc về ai? Lấy ví dụ?  ? Quan hệ quản lý sản xuất tức là quan hệ quản lý cái gì? Lấy ví dụ?  ? Em hiểu thế nào là quan hệ phấn phối sản phẩm?  Giáo viên giúp học sinh nắm được mối quan hệ giữa LLSX và QHSX bằng các câu hỏi đàm thoại.  ? Giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất thì mặt nào phát triển hơn?  ? Theo em mâu thuẫn giữa LLSX và QHSX xảy ra khi nào?  ? Phương thức sản xuất mới ra đời khi nào? | **1. Tồn tại xã hội.**  ***c. Phương thức sản xuất.***  *- Phương thức sản xuất* là cách con người làm ra của cải vật chất trong những giai đoạn lịch sử nhất định.  *- Những yếu tố thức đẩy sự phát triển KTXH*  + PTSX (là điều kiện quan trọng nhất)  + Vị trí địa lý và dân số (là DDK quyết định)  +Chất lượng sức lao động.  - *Các yếu tố của phương thức sản xuất.*  + LLSX gồm con người và TLSX  + QHSX gồm con người với con người.  ***\* Lực lượng sản xuất.***  Là sự thống nhất giữa người lao động với tư liệu sản xuất.  *Ví dụ*: Công nhân với nhà máy, máy móc…  - Người lao động: Sức khỏe, tri thức, kĩ năng…  - Tư liệu sản xuất gồm TLLĐ và ĐTLĐ  + Tư liệu lao động: Công cụ sản xuất và phương tiện vật chất  *Ví dụ:…*  + Đối tượng lao động: Có sẵn trong tự nhiên và do lao động tạo ra.  *Ví dụ:…*  *Chú ý:* Việc phân biệt giữa ĐTLĐ và TLLĐ chỉ mạng tính chất tương đối.  ***\* Quan hệ sản xuất.***  Biểu hiện mối quan hệ giữa con người với con người theo một cách thức nào đó.  - Quan hệ sở hữu TLSX: TLSX thuộc về ai? (cá nhân, tập thể hay nhà nước)  - Quan hệ quản lý SX: Đặt ra kế hoạch và điều hành sản xuất.  - Quan hệ phân phối sản phẩm: Quy mô và phương thức nhận phần của cải vật chất.  ***\*Mối quan hệ giữa LLSX và QHSX.***  - LLSX luôn là mặt phát triển hơn, còn QHSX thay đổi chậm hơn.  - Mâu thuẫn xảy ra khi LLSX phát triển còn QHSX không phù hợp với LLSX.  - Giải quyết mâu thuẫn là chấm rứt PTSX lỗi thời và ra đời PTSX mới.  - PTSX mới ra đời khi QHSX phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của LLSX. |

***4. Củng cố.***

- GV hệ thống và nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của tiết học

- Giáo viên sử sơ đồ phương thức sản xuất



***5. Dặn dò nhắc nhở.***

Về nhà học bài cũ và chuẩn bị bài mới.

**Bài 8: TỒN TẠI XÃ HỘI VÀ Ý THỨC XÃ HỘI *(Tiết 3)***

**I. Mục tiêu bài học.**

***1. Về kiến thức.***

Giúp học sinh nắm được ý thức xã hội và hai cấp độ của ý thức xã hội cúng như mối quan hệ giữa TTXH và YTXH.

***2. Về kĩ năng.***

Chỉ ra được một số quan niệm và phong tục, tập quán lạc hậu trong cuộc sống hiện nay.

***3. Về thái độ.***

Coi trọng vai trò quyêt định của tồn tại xã hội và tác động tích cực trở lại của ý thức xã hội.

**II. Tài liệu và phương tiện dạy học.**

- SGK, SGV GDCD 10

- Câu hỏi thực hành GDCD 10, TLBD ND và PP GDCD 10

- Sách TH Mác-Lênin

**III. Tiến trình lên lớp.**

***1. Ổn định tổ chức lớp.***

***2. Kiểm tra bài cũ.***

? Dân số có vai trò gì đối với sự phát triển KTXH, dân số tăng quá nhanh sẽ gây ra những hậu quả gì?

***3. Học bài mới***

Trong đời sống xã hội mỗi người đều có những quan điểm, quan niệm riêng, đó là ý thức cá nhân. Những cá nhân trong cùng một giai cấp có những quan điểm, quan niệm chung. Đó là ý thức giai cấp. Toàn bộ những quan niệm, quan điểm tình cảm, tâm lý…được gọi là ý thức xã hội. Vậy thế nào là ý thức xã hội? Hôm nay thầy và các em cùng đi tìm hiểu tiếp bài số 8…

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| --- | --- |
| *Giáo viên nhắc lại cho học sinh nắm được khái niệm vật chất và ý thức mà đã được học ở phần duy vật biện chứng.*    ? Theo em thuộc tính cơ bản nhất của ý thức là gì?  ? Theo em điều kiện nào để xuất hiện ý thức?  ? Vậy em hiểu thế nào là ý thức xã hội?  ? Ý thức xã hội gồm những yếu tố nào?  ? Theo em tâm lý xã hội có nguồn gốc từ đâu?  ? Tâm lý xã hội có bản chất như thế nào?  ? Tâm lý xã hội có đặc điềm hình thành như thế nào?  ? Em hãy lấy ví dụ về tâm lý xã hội?  ? Theo em hệ tư tưởng có nguồn gốc từ đâu?  ? Theo em hệ tư tưởng có bản chất như thế nào?  ? Theo em hệ tư tưởng có đặc điềm hình thành như thế nào?  ? Em hãy lấy ví dụ về hệ tư tưởng?  *Giáo viên cho học sinh bàn luận về ý kiến: Sự tồn tại và phát triển của xã hội là do ý chí của con người, do các hình thái ý thức xã hội quyết định. Em có tán thành với ý kiến đó không.*  HS: bày tỏ ý kiến cá nhân  HS: cả lớp traio đổi ý kiến  GV: Nhận xét – kết luận  *Giáo viên cho học sinh đọc nội dung sách giáo khoa trong trang 51 từ “Chúng ta biết rằng… tốt đẹp hơn”*  ? Phân tích điều kiện vật chất, những mối quan hệ kinh tế sản sinh ra ý thức tư tưởng?  ? Cho học sinh thảo luận và phân tích ở từng chế độ từ tồn tại xã hội nảy sinh ra ý thức xã hội như thế nào?  ? Từ sự phân tích trên em rút ra vai trò gì của tồn tại xã hội?  ? Em hãy phân tích sự tác động của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội | **2. Ý thức xã hội.**  ***a. Ý thức xã hội là gì?***  - YTXH là toàn bộ lĩnh vực tinh thần ý thức của con người.  - YTXH gồm: Tình cảm, tâm lý, chính trị, pháp luật, tôn giáo, đáo đức, nghệ thuật, triết học…  ***b. Hai cấp độ của ý thức xã hội.***  ***- Tâm lý xã hội.***  **♠** *Nguồn gốc:* Từ TTXH  **♠** *Bản chất:* Là toàn bộ tâm trạng, thói quen, tình cảm của con người.  **♠** *Đặc điểm hình thành:* Một cách tự phát do ảnh hưởng trực tiếp của điều kiện sống hành ngày.  **♠** *Ví dụ:* Tâm lý người VN luôn yêu thương, nhân ái.  ***- Hệ tư tưởng.***  **♠** *Nguồn gốc:* Từ TTXH  **♠** *Bản chất:* Toàn bộ quan điểm, quan niệm đạo đức chính trị, pháp luật…được hệ thống hóa thành lý luận.  **♠** *Đặc điểm hình thành:* Một cách tự giác do các nhà tư tưởng của một giai cấp xây dựng nên.  **♠** *Ví dụ*: Tư tưởng của các giai cấp VN là luôn trung với Đảng, sẵn sàng xây dựng và bảo vệ tổ quốc.  **3. Mối quan hệ giữa TTXH với YTXH.**  ***a. TTXH quyết định YTXH.***  *- Công xã nguyên thủy.*  + TTXH: LLSX thấp kém, công hữu TLSX  + YTXH: Chưa xuất hiện quan hệ tư hữu  *- Chiếm hữu nô lệ.*  + TTXH: Tư hữu, trồng trọt và chăn nuôi tách ra  + YTXH: Tư hữu, tư tưởng ăn bám chủ nghĩa cá nhân  *- Xã hội Phong kiến*  + TTXH: NSLĐ tăng, LĐ thủ công cơ khí  + YTXH: Con người ích kỉ, vô nhân đạo  *- Tư bản chủ nghĩa.*  + TTXH: CCLĐ hiện đại, NSLĐ cao  + YTXH: Lối sống ích kỉ, vì tiền  *- Xã hội XHCN*  + TTXH: Con người làm chủ TLSX, NSLĐ PT  + YTXH: Con người bình đẳng  - Vai trò: TTXH có trước YTXH, mỗi khi PTSX thay đổi thì YTXH cũng thay đổi.  ***b. Sự tác động trở lại của YTXH đối với TTXH***  Vai trò: YTXH phản ánh đứng quy luật khách quan, chỉ đạo con người trong hoạt động tư tưởng thúc đẩy TTXH phát triển và hoàn thiện hơn. |

***4. Củng cố.***

GV hệ thống và nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của tiết học và toàn bài

***5. Dặn dò nhắc nhở.***

Về nhà học bài cũ và chuẩn bị nội dung thực hành

**THỰC HÀNH: QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN,**

**TRONG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT THUẾ**

**(2 Tiết)**

**I- Mục tiêu bài học.**

Học xong bài này, học sinh cần:

- Hiểu được quyền, nghĩa vụ của người nộp thuế.

- Biết được nghĩa vụ của bản thân và gia đình trong thực hiện chính sách, pháp luật thuế.

- Biết được trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc quản lý thuế.

- Có thái độ tôn trọng và ủng hộ nhưng hành vi thực hiện tốt nghĩa vụ về thuế, phê phán những hành vi không thực hiện đúng nghĩa vụ về thuế.

**II. Nội dung bài học.**

***1. Quyền, nghĩa vụ của người nộp thuế***

***a. Quyền của người nộp thuế***

a1. Được hướng dẫn thực hiện việc nộp thuế; cung cấp thông tin, tài liệu để thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi về thuế.

a2. Yêu cầu cơ quan quản lý thuế giải thích về việc tính thuế, ấn định thuế(1); yêu cầu cơ quan, tổ chức giám định số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

a3. Được giữ bí mật thông tin theo quy định của pháp luật.

***Cơ quan quản lý thuế được công khai các thông tin vi phạm pháp luật về thuế của người nộp thuế trên phương tiện thông tin đại chúng trong các trường hợp sau đây***:

          - Trốn thuế, gian lận thuế, chây ỳ không nộp tiền thuế đúng thời hạn;

          - Vi phạm pháp luật về thuế làm ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ nộp thuế của tổ chức, cá nhân khác;

          - Không thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý thuế theo quy định của pháp luật.

a4. Hưởng các ưu đãi về thuế(2), hoàn thuế(3) theo quy định của pháp luật về thuế.

a5. Ký hợp đồng với tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế.

a6. Nhận văn bản kết luận kiểm tra thuế, thanh tra thuế của cơ quan quản lý thuế; yêu cầu giải thích nội dung kết luận kiểm tra thuế, thanh tra thuế; bảo lưu ý kiến trong biên bản kiểm tra thuế, thanh tra thuế.

a7. Được bồi thường thiệt hại do cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế gây ra theo quy định của pháp luật.

a8. Yêu cầu cơ quan quản lý thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của mình.

a 9. Khiếu nại, khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

a10. Tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật của công chức quản lý thuế và tổ chức, cá nhân khác.

***Có 10 quyền, trong đó quyền a4 là quyền được hưởng; quyền a5, a9, a10 là quyền được làm, quyền a1, a2, a3, a6, a7, a8 là quyền được đòi hỏi.***

**Quyền của người nộp thuế**

Xét về bản chất, quan hệ pháp luật thuế là quan hệ pháp luật hành chính, thiết lập giữa Nhà nước với các pháp nhân và thể nhân khác trong xã hội và được điều chỉnh bởi phương pháp mệnh lệnh quyền uy. Dưới góc độ vật chất, quan hệ pháp luật thuế được thiết lập để tạo lập nguồn thu cho ngân sách nhà nước (NSNN).

**1. Quyền của người nộp thuế**

NNT là chủ thể một bên đóng vai trò chủ đạo trong quan hệ pháp luật thuế. Đây là chủ thể có mối quan hệ chặt chẽ, mật thiết và trực tiếp sáng tạo, quản lý các lợi ích vật chất được hình thành trong xã hội.. Vì quyền sở hữu được xem là quyền tối cao và thiêng liêng để thực hiện quyền con người, cho nên, khi nhà nước điều tiết cũng phải tôn trọng quyền sở hữu của NNT. Quyền của NNT có thể phân thành hai nhóm sau:

Quyền gián tiếp – được hưởng các tiện ích do Nhà nước cung cấp

Quyền trực tiếp – phát sinh khi tham gia vào quan hệ pháp luật thuế

**2. Một số quyền cơ bản của người nộp thuế theo pháp luật thuế**

**2.1. Quyền được hướng dẫn thực hiện việc nộp thuế; cung cấp thông tin, tài liệu để thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi về thuế**

Cơ chế một cửa đã đi vào vận hành thống nhất trên cả nước từ 1/7/2007, song thực tế cho thấy rằng, việc giải thích chính sách vẫn còn thực hiện ở một số bộ phận khác (kiểm tra thuế, kê khai thuế), việc này không đơn thuần là do thói quen, và hầu hết các vướng mắc của NNT chủ yếu vẫn được đáp ứng ở các kênh này. Sự phân tán này ít nhiều đã tạo ra sự thiếu thống nhất trong quá trình hướng dẫn, giải thích chính sách cho NNT, làm thiếu tin tưởng từ phía NNT đối với bộ phận một cửa, bởi không ít trường hợp xin tư vấn chỉ để thăm dò hay đối chứng mà thôi!

**2.2. Quyền yêu cầu cơ quan quản lý thuế giải thích về việc tính thuế, ấn định thuế; yêu cầu cơ quan, tổ chức giám định số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu**

Trường hợp NNT không thực hiện được đầy đủ sổ sách kế toán, hoá đơn chứng từ theo quy định thì áp dụng phương pháp ấn định thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế. Việc ấn định phải theo đúng nguyên tắc, trình tự và thủ tục của Luật Quản lý thuế, không phải ấn định tùy tiện. Theo Điều 37 Luật Quản lý thuế, NNT theo phương pháp kê khai bị ấn định thuế trong các trường hợp sau đây: không đăng ký thuế; không nộp hồ sơ khai thuế; nộp hồ sơ khai thuế sau 10 ngày, kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ khai thuế hoặc ngày hết thời hạn gia hạn nộp hồ sơ khai thuế; không khai thuế, không nộp bổ sung hồ sơ khai thuế theo yêu cầu của cơ quan thuế hoặc khai thuế không chính xác, trung thực, đầy đủ về căn cứ tính thuế; không khai thuế, không nộp bổ sung hồ sơ khai thuế theo yêu cầu của cơ quan thuế hoặc khai thuế không chính xác, trung thực, đầy đủ về căn cứ tính thuế; không phản ánh hoặc phản ánh không đầy đủ, trung thực, chính xác số liệu trên sổ kế toán để xác định nghĩa vụ thuế

**2.3. Quyền được giữ bí mật thông tin theo quy định của pháp luật**

**2.4. Quyền ký hợp đồng với tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế**

**2.5. Quyền được bồi thường thiệt hại do cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế gây ra theo quy định của pháp luật**

Khi cơ quan thuế ra quyết định phạt không đúng, hoặc quyết định thu sai thì NNT có quyền khiếu nại quyết định xử lý của cơ quan này lên cơ quan quản lý cấp trên hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định.

**2.6. Quyền yêu cầu cơ quan quản lý thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của mình**

Trường hợp hồ sơ đề nghị xác nhận không đúng với số liệu trong cơ sở dữ liệu của ngành thuế thì trao đổi ý kiến với phòng kê khai và kế toán thuế để xác nhận cho NNT

**2.7. Quyền khiếu nại, khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình**

Công tác thuế không chỉ có tuyên truyền, hỗ trợ, tuân thủ pháp luật mà còn phải giải quyết khiếu nại, cải cách thủ tục hành chính. Tức là phải trao cho NNT quyền làm chủ trực tiếp nhất định, và chỉ cho họ con đường pháp lý cụ thể khi có sự bất đồng, tranh chấp về nghĩa vụ thuế với cơ quan thuế, công chức thuế theo đúng bản chất của một nhà nước dân chủ. Theo đó, NNT có quyền khiếu nại việc cán bộ thuế thi hành không đúng pháp luật thuế.

**2.8. Quyền tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật của công chức quản lý thuế và tổ chức, cá nhân khác**

Tố cáo là quyền cơ bản của mọi công dân, khi lợi ích (vật chất, tinh thần) của mình có nguy cơ bị xâm hại từ phía công chức thuế.

***b. Nghĩa vụ của người nộp thuế***

***b1. Đăng ký thuế(4), sử dụng mã số thuế(5) theo quy định của pháp luật.***

Đối tượng phải đăng ký thuế là tổ chức, cá nhân phát sinh nghĩa vụ nộp thuế thường xuyên gồm:

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh.

2. Cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân.

3. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay.

4. Tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật về thuế

Những người nộp thuế theo từng lần phát sinh thì không phải đăng ký thuế

***b2. Khai thuế chính xác, trung thực, đầy đủ và nộp hồ sơ thuế đúng thời hạn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ thuế.***

**Ví dụ về kê khai thuế:**

- Người nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất có trách nhiệm kê khai với cơ quan thuế về loại đất, diện tích, vị trí, trị giá đất, kèm theo giấy phép thay đổi mục đích sử dụng đất (nếu có) khi làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất; cung cấp tài liệu cần thiết có liên quan đến việc tính thuế theo yêu cầu của cơ quan thuế.

- Người nộp thuế thu nhập cá nhân kê khai chính xác thu nhập chịu thuế, kê khai chính xác người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh.

- Người nộp thuế môn bài phải kê khai chính xác vốn đăng ký, sự thay đổi vốn, thu nhập 1 tháng.

***b3. Nộp tiền thuế đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm.***

Địa điểm nộp thuế:

- Nộp thuế tại Kho bạc Nhà nước

- Nộp thuế tại cơ quan quản lý thuế nơi tiếp nhận hồ sơ khai thuế

- Nộp thuế thông qua tổ chức được cơ quan quản lý thuế uỷ nhiệm thu thuế

- Nộp thuế thông qua ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác và tổ chức dịch vụ theo quy định của pháp luật

***b4. Chấp hành chế độ kế toán, thống kê và quản lý, sử dụng hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.***

***b5. Ghi chép chính xác, trung thực, đầy đủ những hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế, khấu trừ thuế và giao dịch phải kê khai thông tin về thuế.***

***b6. Lập và giao hoá đơn, chứng từ cho người mua theo đúng số lượng, chủng loại, giá trị thực thanh toán khi bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật.***

- Pháp luật quy định tất cả các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc mọi thành phần kinh tế khi bán hàng, dịch vụ phải lập và giao hóa đơn hợp pháp cho khách hàng. Nếu không lập và giao hóa đơn bị coi là hành vi trốn thuế.

***b7. Cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế, số hiệu và nội dung giao dịch của tài khoản mở tại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác; giải thích việc tính thuế, khai thuế, nộp thuế theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế***.

Hệ thống thông tin về người nộp thuế bao gồm những thông tin, tài liệu liên quan đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.

***b8. Chấp hành quyết định, thông báo, yêu cầu của cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế theo quy định của pháp luật.***

Ví dụ:

- Thông báo mức thuế, thời gian, địa điểm nộp thuế, thông báo về ấn định thuế. Người nộp thuế phải nộp số thuế ấn định theo thông báo của cơ quan quản lý thuế. Trường hợp không đồng ý với số thuế do cơ quan quản lý thuế ấn định thì người nộp thuế vẫn phải nộp số thuế đó, đồng thời có quyền yêu cầu cơ quan quản lý thuế giải thích hoặc khiếu nại, khởi kiện về việc ấn định thuế.

***b9. Chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật, trong trường hợp người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền thay mặt người nộp thuế thực hiện thủ tục về thuế sai quy định.***

**2. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan thuế**

***a. Trách nhiệm***

a1. Tổ chức thực hiện thu thuế theo quy định của pháp luật.

a2. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn pháp luật về thuế; công khai các thủ tục về thuế.

a3. Giải thích, cung cấp thông tin liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế cho người nộp thuế; công khai mức thuế phải nộp của hộ gia đình, cá nhân kinh doanh trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

a4. Giữ bí mật thông tin của người nộp thuế theo quy định của Luật này.

a5. Thực hiện việc miễn thuế, giảm thuế, xoá nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt, hoàn thuế theo theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật về thuế.

a6. Xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế khi có đề nghị theo quy định của pháp luật.

a7. Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc thực hiện pháp luật về thuế theo thẩm quyền.

a8. Giao kết luận, biên bản kiểm tra thuế, thanh tra thuế cho đối tượng kiểm tra thuế, thanh tra thuế và giải thích khi có yêu cầu.

a9. Bồi thường thiệt hại cho người nộp thuế theo quy định của Luật này.

a10. Giám định để xác định số thuế phải nộp của người nộp thuế theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

***b. Quyền hạn***

b1. Yêu cầu người nộp thuế cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế, số hiệu, nội dung giao dịch của các tài khoản được mở tại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác và giải thích việc tính thuế, khai thuế, nộp thuế.

b2. Yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế và phối hợp với cơ quan quản lý thuế để thực hiện pháp luật về thuế.

b3. Kiểm tra thuế, thanh tra thuế.

b4. Ấn định thuế.

b5. Cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về thuế.

b6. Xử phạt vi phạm pháp luật về thuế theo thẩm quyền; công khai trên phương tiện thông tin đại chúng các trường hợp vi phạm pháp luật về thuế.

b7. Áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử lý vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của pháp luật.

b8. Ủy nhiệm cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thu một số loại thuế vào ngân sách Nhà nước theo quy định của Chính phủ.

***3. Trách nhiệm của Bộ Tài chính trong quản lý thuế***

- Thực hiện quản lý nhà nước về thuế theo quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo thực hiện quản lý thuế theo quy định của Luật quản lý thuế.

- Chỉ đạo lập và thực hiện dự toán thu ngân sách Nhà nước.

- Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện pháp luật về thuế.

- Xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc thực hiện pháp luật về thuế theo thẩm quyền.

***4. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc quản lý thuế***

- Hội đồng nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quyết định nhiệm vụ thu ngân sách hàng năm và giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế.

- Uỷ ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

+ Chỉ đạo các cơ quan có liên quan tại địa phương phối hợp với cơ quan quản lý thuế lập dự toán thu ngân sách Nhà nước và tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn;

+ Kiểm tra việc thực hiện pháp luật về thuế;

+ Xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc thực hiện pháp luật về thuế theo thẩm quyền.

***5. Trách nhiệm các cơ quan khác của Nhà nước trong việc quản lý thuế***

- Các cơ quan khác của Nhà nước có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thuế; phối hợp với cơ quan quản lý thuế trong việc quản lý thuế; tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ thuế.

- Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Toà án trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử kịp thời, nghiêm minh tội phạm vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của pháp luật và thông báo tiến độ, kết quả xử lý vụ việc cho cơ quan quản lý thuế.

***6. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong việc tham gia quản lý thuế***

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, tổ chức động viên nhân dân, giáo dục hội viên nghiêm chỉnh thi hành pháp luật về thuế; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

- Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp phối hợp với cơ quan quản lý thuế trong việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thuế đến các hội viên.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp phối hợp với cơ quan quản lý thuế trong việc cung cấp thông tin liên quan đến việc quản lý thuế.

***7. Trách nhiệm của cơ quan thông tin, báo chí trong việc quản lý thuế***

- Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về thuế.

- Nêu gương tổ chức, cá nhân thực hiện tốt pháp luật về thuế.

- Phản ánh và phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

***8. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khác trong việc tham gia quản lý thuế***

- Cung cấp thông tin liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế.

- Phối hợp thực hiện các quyết định xử lý vi phạm pháp luật về thuế.

- Tố giác các hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

- Yêu cầu người bán hàng, người cung cấp dịch vụ phải giao hoá đơn, chứng từ bán hàng hoá, dịch vụ đúng số lượng, chủng loại, giá trị thực thanh toán khi mua hàng hoá, dịch vụ.

***9. Hợp tác quốc tế về quản lý thuế***

Theo chức năng và quy định của pháp luật, trong phạm vi thẩm quyền được phân cấp, cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm:

- Thực hiện quyền, nghĩa vụ và bảo đảm lợi ích của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo các điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

- Đàm phán, ký kết và tổ chức thực hiện thoả thuận quốc tế song phương với cơ quan quản lý thuế các nước;

- Tổ chức khai thác, trao đổi thông tin và hợp tác nghiệp vụ với cơ quan quản lý thuế các nước, các tổ chức quốc tế có liên quan.

**Chú thích:**

*1. Ấn định thuế:* Là việc cơ quan thuế quyết định một số tiền thuế nhất định để yêu cầu tổ chức, cá nhân phải nộp cho Nhà nước trong trường hợp tổ chức, cá nhân đó vi phạm pháp luật thuế.

*2. Ưu đãi thuế:* Là người nộp thuế được hưởng các chính sách miễn thuế, giảm thuế theo quy định của pháp luật thuế (nếu có).

*3. Hoàn thuế:* Là việc Nhà nước hoàn lại số thuế mà người nộp thuế đã nộp thừa vào ngân sách Nhà nước, số tiền thuế giá trị gia tăng chênh lệch âm (-) giữa số tiền thuế tính theo số tiền bán hàng với số tiền thuế khi mua hàng đã trả cho người bán trong một khoảng thời gian nhất định do pháp luật thuế quy định.

Ví dụ: Một người có số tiền thuế tính theo Luật thuế thu nhập cá nhân phải nộp trong năm 2008 là 50 triệu đồng. Nhưng các tháng trong năm cá nhân người nộp thuế đã tạm nộp hàng tháng và tổng số tiền hàng tháng đã tạm nộp là 60 triệu đồng. Như vậy người nộp thuế đó đã nộp thừa 10 triệu đồng vào ngân sách nhà nước. Số tiền người nộp thuế nộp thừa vào ngân sách Nhà nước sẽ được nhà nước trả lại (hoàn lại).

*4. Đăng ký ký thuế:* Là việc tổ chức, cá nhân khi có các hoạt động làm phát sinh nghĩa vụ phải nộp thuế thì người nộp thuế có trách nhiệm đến cơ quan thuế để đăng ký thuế. Thông qua việc đăng ký thuế, cơ quan thuế cấp cho tổ chức, cá nhân giấy chứng nhận đã đăng ký thuế.

*5.**Mã số thuế:* Là viêc người nộp thuế khi đến đăng ký thuế sẽ được cơ quan thuế cấp cho một mã số thuế (mã số thuế là một dãy số tự nhiên) để quản lý, mã số thuế gắn liền với người nộp thuế trong suốt quá trình thực hiện nộp thuế.

*6. Phân biệt một số khái niệm:*

*- Quyền:* Là điều được pháp luật hoặc xã hội công nhận cho được hưởng, được làm, được đòi hỏi.

*- Quyền hạn:* Quyền được xác định về nội dung, phạm vi, mức độ. (quyết định trong phạm vi quyền hạn của mình).

*- Nghĩa vụ:* Việc mà pháp luật hay đạo đức bắt buộc phải làm đối với xã hội, với người khác.

*- Trách nhiệm*: Là nghĩa vụ mà các tổ chức, cá nhân phải thực hiện.

**V. ĐỌC THÊM**

***a. Nguồn gốc, sự ra đời của thuế.***

Thuế là một nội dung kinh tế, thuế có lịch sử ra đời, tồn tại, phát triển cùng Nhà nước.

Để hoạt động được, Nhà nước cần phải có nguồn tài chính để chi tiêu cho việc duy trì và củng cố bộ máy Nhà nước, chi cho quốc phòng, an ninh, chi cho xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng; chi cho các vấn đề phúc lợi công cộng; sự nghiệp; xã hội trước mắt và lâu dài.

Xuất phát từ nhu cầu trên, để có nguồn tài chính Nhà nước thường sử dụng ba hình thức động viên:

- Thứ nhất: Quyên góp tiền và tài sản.

- Thứ hai: Hình thức vay dân.

- Thứ ba: Nhà nước sử dụng quyền lực chính trị để bắt buộc dân đóng góp.

Trong 3 hình thức trên thì đối với hình thức huy động quyên góp và vay dân để có nguồn tài chính đều không mang tính ổn định và lâu dài, thường được Nhà nước sử dụng có giới hạn trong một số trường hợp đặc biệt. Đối với sử dụng quyền lực chính trị để bắt buộc dân đóng góp là hình thức có tính bền vững lâu dài và là cơ bản nhất để huy động tập trung nguồn tài chính cho Nhà nước. Hình thức đó chính là: “ Thuế ”.

***b. Khái niệm thuế.***

*Thuế là một khoản đóng góp bắt buộc của các tổ chức, cá nhân cho Nhà nước theo mức độ và thời hạn được pháp luật quy định, không mang tính chất hoàn trả trực tiếp, nhằm sử dụng cho mục đích chung toàn xã hội.*

Ngoài khoản thu về thuế, ngân sách Nhà nước còn có những khoản thu về phí và lệ phí. Đây là những khoản thu mà một tổ chức hay cá nhân phải trả khi được một cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức, cá nhân được Nhà nước uỷ quyền cung cấp hàng hoá, dịch vụ công cộng.

***c. Bản chất(1) của thuế.***

*c1. Thuế luôn luôn gắn liền với quyền lực Nhà nước*.

Đó là việc các chính sách pháp luật thuế phải do Quốc hội - cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất ban hành. Việc thu thuế phải được thu theo các quy định của chính sách pháp luật chứ không được thu tuỳ tiện.

*c2. Thuế là một phần thu nhập của các tầng lớp dân cư bắt buộc phải nộp cho Nhà nước:*

Đó là việc Nhà nước quy định các chính sách thuế mà kết quả của nó là một bộ phận thu nhập của người nộp thuế được chuyển giao bắt buộc cho Nhà nước mà không kèm theo bất kỳ một sự cấp phát hoặc những quyền lợi nào khác cho người nộp thuế.

Với nội dung bản chất này thuế không giống như các hình thức huy động tài chính tự nguyện hoặc hình thức phạt tiền tuy có tính chất bắt buộc, nhưng chỉ áp dụng đối với những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật.

*c3. Thuế là hình thức chuyển giao thu nhập không mang tính chất hoàn trả trực tiếp. Còn phí, lệ phí mang tính chất hoàn trả trực tiếp cho người thụ hưởng dịch vụ này.*

Nội dung không hoàn trả trực tiếp của thuế được thể hiện trên các khía cạnh:

- Người nộp thuế không có quyền đòi hỏi Nhà nước cung cấp hàng hoá, dịch vụ công cộng trực tiếp cho mình thì mới nộp thuế.

- Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ không được hoàn trả trực tiếp cho người nộp thuế mà người nộp thuế nhận được một phần các hàng hoá, dịch vụ công cộng mà Nhà nước đã cung cấp cho cả cộng đồng và không nhất thiết tương đồng với khoản thuế mà họ đã nộp cho Nhà nước. Đây là nội dung của thuế giúp ta phân định rõ thuế với các khoản phí(2), lệ phí(3) và giá cả.

**BÀI 9: CON NGƯỜI LÀ CHỦ THỂ CỦA LỊCH SỬ**

**LÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI *(Tiết 1)***

**I. Mục tiêu bài học.**

**1. Về kiến thức.**

Giúp học sinh nhận biết được con người là chủ thể của lịch sử, sáng tạo ra lịch sử, sáng tạo nên các giá trị vật chất, giá trị tinh thần, con người là động lực của các cuộc cách mạng xã hội.

**2. Về kĩ năng.**

- Lấy được VD để chứng minh: Tầm quan trọng của việc chế tạo ra công cụ sản xuất đối với sự hình thành và phát triển của xã hội loài người.

- Chứng minh được mọi giá trị vật chất và tinh thần là do con người sáng tạo ra.

**3. Về thái độ.**

- Biết quý trọng cuộc sống của mình, tôn trọng mọi người, mong muốn được góp sực vào sự phát triển của cộng đồng và xã hội.

- Đồng tình và tích cực tham gia vào các hoạt động về sự tiến bộ và phát triển của đất nước, của nhân loại.

**II. Tài liệu và phương tiện dạy học.**

- SGK, SGV GDCD lớp 10.

- Tình huống GDCD 10, Thực hành GDCD 10

- Máy chiếu

**III. Hoạt động dạy và học.**

**1. Ổn định tổ chức.**

**2. Kiểm tra bài cũ*.***

? Em hãy vẽ sơ đồ phương thức sản xuất biểu thị mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất?

**3. Học bài mới.**

Khi nghiên cứu quá trình phát triển của lịch sử, các nhà triết học duy tâm, tôn giáo thường cho rằng: Thần thánh, thượng đế đã tạo ra và quyết định sự phát triển của lịch sử loài người.

Dựa trên kết quả nghiên cứu khảo cổ học và nhiều ngành khoa học khác, Triết học duy vật biện chứng đã khẳng định: Giới tự nhiên có trước con người, con người, xã hội là sản phẩm của tự nhiên. Con người là chủ thể của lịch sử, là mục tiêu phát triển của xã hội.

Để hiểu rõ vấn đề này, chúng ta tìm hiểu bài 9 tiết 1.

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| --- | --- |
| **Hoạt động 1 :** Giáo viên tổ chức cho HS thảo luận nhóm (4 nhóm). Giáo viên giao câu hỏi cho 4 nhóm.  **Nhóm 1**  Người tối cổ và người tinh khôn đã chế tạo ra những loại công cụ nào ? chúng có đặc điểm gì khác nhau?  **Nhóm 2**  Công cụ lao động đó có liên quan như thế nào với việc chuyển hoá vượn cổ thành người?  **Nhóm 3**  Việc chế tạo ra công cụ lao động của con người có ý nghĩa gì?  **Nhóm 4**  Từ khi xã hội loài người hình thành đến nay đã và đang trải qua mấy giai đoạn phát triển?  - Học sinh  + Các nhóm thảo luận.  + Cử đại diện nhóm trình bày  + Cả lớp nhận xét trao đổi  - GV nhận xét, bổ sung ý kiến  - GV kết luận chuyển ý.  Lịch sử loài người được hình thành từ khi con người biết chế tạo công cụ sản xuất. Nhờ biết chế tạo và sử dụng công cụ sản xuất con người đã tự tách mình ra khỏi thế giới động vật chuyển sang thế giới loài người và lịch sử xã hội bắt đầu từ đó.  **Hoạt động 2:** Giáo viên sử dụng phương pháp giảng giải, phát vấn, nêu vấn đề, đàm thoại để học sinh chủ động tìm ra nội dung kiến thức bằng cách đưa ra các câu hỏi theo sự lô gíc.  ? Theo em vì sao con người phải tạo ra của cải vật chất?  ? Vì sao sản xuất ra của cải vật chất là đặc trưng riêng có của con người?  ? Theo em vì sao hoạt động lao động của con người là hoạt động có mục đích và sáng tạo?  ? Những cái gì là đề tài sáng tác vô tận của con người?  ? Theo em tại sao con người là chủ thể của các giá trị tinh thần?  **Hoạt động 3:** Giáo viên sử dụng phương pháp thảo luận theo lớp để học sinh chủ động tìm ra nội dung kiến thức. Giáo viên đưa ra các câu hỏi để học sinh tìm hiểu.  ? Vì sao con người là động lực của các cuộc cách mạng xã hội? Vậy ai là chủ thể của các cuộc cách mạng xã hội?  ? Cách mạng xã hội thay thế quan hệ sản xuất đã lỗi thời bằng quan hệ sản xuất như thế nào?  Cách mạng xã hội thay thế quan hệ sản xuất đã lỗi thời bằng quan hệ sản xuất mới tiến bộ hơn. Khi quan hệ sản xuất mới ra đời kéo theo sự xuất hiện của phương thức sản xuất mới.  ? Lịch sử xã hội từ công xã nguyên thuỷ đến nay đã và đang thay thế mấy phương thức sản xuất?  - Giáo viên:  + Liệt kê các ý kiến  + Nhận xét và bổ sung *(nếu có)* các ý kiến  **Kết luận:** Lịch sử phát triển của xã hội khác với lịch sử phát triển của tự nhiên. Sự phát triển của tự nhiên diễn ra một cách tự động, còn lịch sử phát triển của xã hội là lịch sử của con người hoạt động theo mục đích của mình. | **1. Con người là chủ thể của lịch sử.**  **a. Con người sáng tạo ra lịch sử của chính mình.**   |  |  | | --- | --- | | **Người tối cổ** | **Người tinh khôn** | | Công cụ lao động là cành cây, ghè đẽo hòn đá | Lúc đầu công cụ bằng đá, sau đó sử dụng kim loại |   - Việc chế tạo ra công cụ lao động giúp cho lịch sử xã hội loài người hình thành và phát triển.  - Việc chế tạo ra công cụ lao động giúp con người tự sáng tạo ra lịch sử của mình.  - Từ công xã nguyên thủy -> Chiếm hữu nô lệ -> xã hội phong kiến -> TBCN -> XHCN.  **b. Con người là chủ thể sáng tạo ra giá trị vật chất và giá trị tinh thần.**  ***\* Con người là chủ thể sáng tạo ra giá trị vật chất***  - Để tồn tại và phát triển con người phải LĐ sản xuất tạo ra của cải vật chất để nuôi sống mình và xã hội.  - Sản xuất ra của cải vật chất là đặc trưng riêng có ở con người.  - Là kết quả lao động có mục đích và sáng tạo của con người.  ***Ví dụ:***  *+ Con người sản xuất ra cái ăn, mặc, ở...*  *+ Con người sản xuất ra phương tiện sinh hoạt, tư liệu sản xuất.*  ***\* Con người là chủ thể sáng tạo ra giá trị vật chất và giá trị tinh thần.***  - Đời sống sinh hoạt hàng ngày, kinh nghiệm trong lao động, đấu tranh, của con người là đề tài vô tận cho các phát minh khoa học và sáng tác nghệ thuật.  - Con người là tác giả của các công trình khoa học, tác phẩm văn học, nghệ thuật.  **c. Con người là động lực của các cuộc cách mạng xã hội.**  - Nhu cầu về một cuộc sống tốt đẹp hơn là động lực thúc đẩy con người không ngừng đấu tranh để cải tại xã hội.  - Mọi sự biến đổi của xã hội, mọi cuộc cách mạng xã hội đều do con người tạo ra.  - PTSX CXNT đến PTSX CHNL đến PTSX PK đến PTSX TBCN đến PTSX XHCN  ***Ví dụ:***  *+ Cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp nô lệ xóa bỏ quan hệ sản xuất chế độ chiếm hữu nô lệ.*  *+ Cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân xóa bỏ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.* |

**4. Củng cố.**

Giáo viên hệ thống lại kiến thức cơ bản bài một cách hệ thống

**5. Dặn dò nhắc nhở.**

Về nhà làm bài tập 1 trang 59, học bài cũ và chuẩn bị nội dung tiết 2 bài 9

**BÀI 9: CON NGƯỜI LÀ CHỦ THỂ CỦA LỊCH SỬ**

**LÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI *(Tiết 2)***

**I. Mục tiêu bài học.**

**1. Về kiến thức.**

Giúp học sinh nắm được vì sao con người là mục tiêu phát triển của xã hội và chủ nghĩa xã hội với mục tiêu phát triển con người toàn diện như thế nào? Cũng như ở nước ta hiện nay Đảng và Nhà nước quan tâm đến phát triển con người như thế nào?

**2. Về kĩ năng.**

Thu thập thông tin và chứng minh được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước ta đối với sự phát triển toàn diện của con người.

**3. Về thái độ.**

- Biết quý trọng cuộc sống của mình, tôn trọng mọi người, mong muốn được góp sức vào sự phát triển của cộng đồng và xã hội.

- Đồng tình và tích cực tham gia vào các hoạt động về sự tiến bộ và phát triển của đát nước, của nhân loại.

**II. Tài liệu và phương tiện dạy học.**

- SGK, SGV GDCD lớp 10.

- Tình huống GDCD 10, Thực hành GDCD 10, bảng biểu…

**III. Hoạt động dạy và họ.**

**1. Ổn định tổ chức.**

**2. Kiểm tra bài cũ*.***

? Em hãy giải thích vì sao con người là chủ thể sáng tạo các giá trị vật chất và giá trị tinh thần? Lấy ví dụ minh hoạ?

**3. Học bài mới.**

Con người tư cách là một sinh vật có ý thức, có ý chí trong quan hệ với thế giới bên ngoài. Cho nên sự phát triển của xã hội phải là vì con người và chủ nghĩa xã hội với mục tiêu phát triển con người toàn diện như thế nào? hôm nay thầy và các em đi tìm hiểu tiếp bài 9 – tiết 2:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 1:**  Giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận theo đơn vị nhóm để học sinh chủ động tìm ra nội dung kiến thức bằng câu hỏi lô gíc.  **Nhóm 1**  *? Em mong muốn được sống trong một xã hội như thế nào?*  **Nhóm 2**  *? Em hãy kể những nhu cầu quan trọng của bản thân mà em mong ước gia đình và xã hội đem lại cho em.*  **Nhóm 3**  *? Hiện nay trên thế giới có những vấn đề gì tác động tiêu cực đến sự phát tiển của con người?*  *? Theo em chúng ta cần làm gì để khắc phục tình trạng đó?*  **Nhóm 4**  *? Theo em vì sao con người là mục tiêu phát triển của xã hội?*  - Học sinh:  + Nhóm thảo luận  + Cử đại diện nhóm trình bày  + Cả lớp nhận xét trao đổi  + Giáo viên nhận xét bổ sung ý kiến  - Giáo viên: liệt kê ý kiến từng câu trả lời của học sinh  - Giáo viên: nhận xét bổ sung ý kiến  **Hoạt động 2:**  - Giáo viên: Dựa vào quy luật phát triển của lịch sử, giúp HS hiểu được trải qua 5 chế độ xã hội, chỉ có chế độ CNXH mới thực coi trọng con người là động lực, mục tiêu phát triển của xã hội.  Giáo viên sử dụng bảng biểu giúp cho học sinh so sánh sự tồn tại và phát triển của các chế độ xã hội. Từ đó rút ra mặt tiến bộ, ưu việt của chủ nghĩa xã hội.   |  |  | | --- | --- | | **Chế độ xã hội** | **Đặc trưng cơ bản** | | Công xã nguyên thủy | Mức sống rất thấp kém. Dựa trên nền kinh tế hái lượm, săn bắt, con người phụ thuộc vào tự nhiên | | Chiếm hữu nô lệ | Trồng trọt, chăn nuôi bắt đầu xuất hiện. Cuộc sống nghèo nàn lạc hậu sản xuất chủ yếu dựa vào đồ đồng, đá. Con người bị áp bức bóc lột. | | Phong kiến | Nhịp điệu biến đổi đã có những chậm chạp, nghèo khổ. ý thức tôn giáo chi phối đời sống tinh thần. Con người bị áp bức bóc lột. | | Tư bản chủ nghĩa | Cơ khí hóa - điện khí hóa phát triển và đến ngày nay phát triển của cách mạng khoa học, công nghệ - năng xuất lao động của cải vật chất nhiều nhưng còn chưa khắc phục được quan hệ giữa con người. Những mâu thuẫn vốn có trong lòng xã hội tư bản. | | Chủ nghĩa xã hội | Không có áp bức bóc lột, có sự thống nhất giữa văn minh và nhân đạo. Con người tự do, hạnh phúc, được phát huy quyền làm chủ. |   - Giáo viên: Cho HS trao đổi các câu hỏi sau:  *? Từ các đặc trưng của các chế độ xã hội nêu lên mặt ưu việt của chế độ xã hội XHCN.*  *? Mục tiêu của Chủ nghĩa xã hội là gì?*  - Học sinh: Trả lời ý kiến cá nhân.  - Học sinh: Cả lớp trao đổi.  - Giáo viên: Nhận xét, bổ xung ý kiến.  *? Vậy theo em mục tiêu của chủ nghĩa xã hội với sự phát triển toàn diện của con người như thế nào?*  **Hoạt động 3 :**  - Giáo viên: Liên hệ nước ta  Việt Nam là một nước nghèo đang trong giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Tuy vậy Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng con người là vị trí trung tâm là mục tiêu phát triển của xã hội. Xây dựng một xã hội “*Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*” là mục tiêu cao cả nhất của nước ta hiện nay.  Phần liên hệ với nước ta giáo viên tổ chức cho học sinh cả lớp thảo luận các câu hỏi sau :  *? Theo em Đảng và Nhà nước ta đã có những chính sách nào nhằm phát triển toàn diện con người ?*  *? Ở địa phương em, chính quyền có và thực hiện những chính sách cụ thể nào ?* | **2. Con người là mục tiêu của sự phát triển xã hội**  **a. Vì sao nói con người là mục tiêu phát triển xã hội.**  - Từ khi xuất hiện đến nay con người luôn khao khát được sống tự do hạnh phúc. Song vẫn tồn tại bất công, bóc lột và có nhiều yếu tố đe doạ tự do hạnh phúc và tính mạng con người.  => Vì vậy con người không ngừng đấu tranh vì tự do hạnh phúc của chính mình.  - Mọi chính sách và hành động của các quốc gia và cộng đồng quốc tế phải nhằm mục tiêu phát triển con người.  => Như vậy: Con người là chủ thể của lịch sử nên con người cần phải được tôn trọng, cần phải được đảm bảo quyền chính đáng của mình, phải là mục tiêu phát triển của mọi tiến bộ xã hội.  **b. Chủ nghĩa xã hội với sự phát triển toàn diện của con người.**  - Xã hội loài người đã và đang trải qua năm chế độ xã hội nhưng chỉ có CNXH mới thực sự coi con người là mục tiêu phát triển của xã hội.  - CNXH với mục tiêu:  + Xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh  + Con người có cuộc sống tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.  - Liên hệ với nước ta  - Ví dụ:  + Chính sách xoá đói giảm nghèo  + Chính sách giáo dục, y tế  + Chính sách với TB, LS, người tàn tật  + Quan tâm đến phụ nữ, người già  - Như vậy: Mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta đều vì phát triển con người toàn diện với mục tiêui công bằng, dân chủ văn minh. |

**4. Củng cố.**

- Giáo viên hệ thống lại kiến thức trọng tâm của toàn bài.

- Giáo viên tổ chức cho học sinh làm các bài tập sau:

**Bài 1:** Theo em chế độ XHCN ưu việt hơn so với chế độ PK ở nước ta ở chỗ nào?

+ Không còn áp bức bóc lột

+ Có cuộc sống tự do, hạnh phúc có điều kiện phát triển toàn diện

+ Nhân dân được làm chủ đát nước

+ Nền kinh tế đát nước phát triển nhanh....

**BÀI 10: QUAN NIỆM VỀ ĐẠO ĐỨC**

**I. Mục tiêu bài học.**

**1. Về kiến thức.**

Nêu được thế nào là đạo đức, phân biệt được sự giống nhau và khác nhau giữa đạo đức với pháp luật và phong tục tập quán, hiểu được vai trò của đạo đức đối với sự phát triển của cá nhân, gia đình và xã hội.

**2. Về kĩ năng.**

Phân biệt được hành vi đạo đức với hành vi pháp luật và hành vi không phù hợp với phong tục tập quán.

**3. Về thái độ.**

Coi trọng vai trò của đạo đức trong đời sống xã hội.

**II. Tài liệu và phương tiện dạy học.**

- SGK, SGV GDCD lớp 10.

- Tình huống GDCD 10, Thực hành GDCD 10

**III. Hoạt động dạy và học.**

**1. Ổn định tổ chức.**

**2. Kiểm tra bài cũ*.***

? Em hãy giải thích vì sao con người là mục tiêu phát triển của xã hội?

**3. Học bài mới.**

Giáo viên đưa ra hai tình huống để học sinh xác định đâu là hành vi đạo đức:

- Không thờ cúng tổ tiên

- Điều khiển phương tiện giao thông vượt đèn đỏ

*Vậy đạo đức là gì?* hôm này thầy và các em cùng đi tìm hiểu bài 10...

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| --- | --- |
| Giáo viên giúp học sinh năm được thế nào là đạo đức và nhấn mạnh ba vấn đề của của đạo đức.  ? Em hãy lấy ví dụ về hành vi có đạo đức và hành vi không có đạo đức?  ? Từ khái niệm đạo đức em hãy chỉ ra các đặc trưng của đạo đức?  ? Theo em quy tắc, chuẩn mực đạo đức có biến đổi theo sự vận động và phát triển của xã hội không? lấy ví dụ minh họa?  Đây là một phương thức điều chỉnh hành vi cơ bản. Giáo viên cần làm cho học sinh nắm được rằng đạo đức không phải là phương thức điều chỉnh hành vi duy nhất. Tuy nhiên giữa chúng có sự khác nhau căn bản.  ? Em hãy chỉ ra sự giống nhau giữa đạo đức với pháp luật, phong tục tập quán?  ? Em hãy chỉ ra sự khác nhau giữa đạo đức với pháp luật, phong tục tập quán?  ? Em hãy nêu một số phong tục, tập quán ở địa phương của em?  Giáo viên giúp học sinh nắm được đơn vị kiến thức để từ đó học sinh thấy được việc học tập, tu dưỡng đạo đức không chỉ là mục tiêu giáo dục trong nhà trường mà còn là mục tiêu của các nhân và xa hội. Để nắm được điều này giáo viên nêu ra các câu hỏi đàm thoại.  ? Đạo đức có vai trò gì đối với mỗi các nhân? Ở mỗi cá nhân tài năng và đạo đức cái nào quan trọng hơn? vì sao?  ***(Phải phát triển hài hòa cả hai mặt nhưng phải lấy đạo đức làm gốc)***  ? Đạo đức có vai trò gì đối với gia đình? Theo em hạnh phúc gia đình có được nhờ có đạo đức hay tiền bạc? vì sao?  ? Đạo đức có vai trò gì đối với xã hội? Hiện nay tình trạng trẻ em vị thành niên lao vào TNXH có phải do đạo đức xuống cấp? xã hội phải làm gì? | **1. Quan niệm về đạo đức.**  ***a.Đạo đức là gì?***  ***- Khái niệm:*** Là hệ thống các quy tắc chuẩn mục xã hội mà nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với lợi ích của cộng đồng của xã hội.  ***- Đặc trưng.***  + Là quy tắc chuẩn mực xã hội *(không phải của cá nhân)*  + Là tính tự giác  + Phù hợp với lợi ích chân chính của con người.  - Cùng với sự phát triển của xã hội thì quy tắc, chuẩn mực đạo đức cũng thay đổi.  ***b. Phân biệt đạo đức với pháp luật và phong tục tập quán trong sự điều chỉnh hành vi của con người.***  ***- Giống nhau:*** Đều là phương thức điều chỉnh hành vi con người.  ***- Khác nhau:***  *+ Đạo đức:* Tự giác thực hiện → nếu không thực hiện sẽ bị xã hội lên án.  *+ Pháp luật:* Bắt buộc thực hiện → nếu không thực hiện sẽ bị PL cưỡng chế.  *+ Phong tục tập quán:* Con người phải tuân theo thói quen , tục lệ, nề nếp có từ lâu đời.  **2. Vai trò của đạo đức trong sự phát triển của cá nhân, gia đình và xã hội.**  ***a. Đối với cá nhân.***  - Góp phần hoàn thiện nhân cách  - Giáo dục lòng nhân ái, vị tha  - Có ý thức, năng lực và sống thiện.  ***b. Đối với gia đình.***  - Đọa đức là nền tảng hạnh phúc của gia đình.  - Đạo đức tạo nên sự ổn định và phát triển của gia đình.  ***c. Đối với xã hội.***  - XH sẽ phát triển bền vững nếu XH đó thực hiện đúng các quy tắc chuẩn mực đạo đức.  - XH sẽ mất ổn định nếu đạo đức xuống cấp. |

***4. Củng cố.***

- Nhắc lại kiến tức trọng tâm của bài

- Cho sinh trả lời một số câu hỏi cuối sách giáo khoa

***5. Dặn dò nhắc nhở.***

Về nhà học bài cũ, trả lời các câu hỏi cuối sách giáo khoa và chuẩn bị bài 11

**Bài 11: MỘT SỐ PHẠM TRÙ CƠ BẢN CỦA ĐẠO ĐỨC HỌC**

***(Tiết 1)***

**I. Mục tiêu bài học.**

**1. Về kiến thức.**

Học sinh nắm được thế nào là nghĩa vụ và lương tâm

**2. Về kĩ năng.**

- Biết thực hiện các nghĩa vụ có liên quan đến bản thân

- Biết giữ gìn lương tâm của mình, biết phấn đấu cho hạnh của bản thân và xã hội.

**3. Về thái độ.**

- Coi trọng và giữ gìn lương tâm.

- Tôn trọng nhân phẩm của người khác

**II. Tài liệu và phương tiện dạy học.**

- SGK, SGV GDCD lớp 10.

- Tình huống GDCD 10, Thực hành GDCD 10

**III. Hoạt động dạy và học.**

**1. Ổn định tổ chức.**

**2. Kiểm tra bài cũ*.***

? Em hãy trình bày đạo đức là gì? đặc trưng của đạo đức? Phân biệt đạo đức với pháp luật và phong tục tập quán?

**3. Học bài mới.**

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| --- | --- |
| Giáo viên sử dụng phương pháp vấn đáp, giải quyết vấn đề. Giáo viên sử ví dụ trong sách giáo khoa để giải quyết vấn đề.  Cho học đọc và trao đổi hai ví dụ trong sách giáo khoa trang 68.  Sói mẹ nuôi con  Cha mẹ nuôi con  => nhận xét hoạt động nuôi của sóii và của con người.  ? Tại sao nghĩa vụ lại là đặc trưng riêng có chỉ có ở con người?  ? Nghĩa vụ phản ánh mối quan hệ đạo đức gì ?  Giáo viên cho học sinh trao đổi ví dụ trong sách giáo khoa trang 68  ? Theo em nghĩa vụ ở đây đặt ra là gì?  ? Khi lợi ích cá nhân và lợi ích của tập thể mâu thuẫn chúng ta cần phải làm gì?  ? Xã hội phải có trách nhiệm gì đối với cá nhân?  ? Cho học sinh đọc phần b, cùng trao đổi thảo luận các nghĩa vụ của người thanh niên Việt Nam hiện nay?  Đối với phần 2 giáo viên sử dụng phương pháp giải quyết vấn đề, lấy dẫn chứng về lương tâm trong thực tế.  Cho học sinh đọc ví dụ trong sách giáo khoa trang 69 và trả lời câu hỏi.  ? Cảm giác hối hận của bà A còn được gọi là gì ? nó có tác động như thế nào đến bà A?  ? Theo em lương tâm tồn tại ở mấy trạng thái?  ? Theo em lương tâm cắm rứt có ý nghĩa tích cực hay không?  ? Cho học sinh đọc phần b sau đó cả lớp cùng trao đổi và thảo luận?  ? Theo em là một học sinh trung học cần phải làm gì để có lương tâm trong sáng? | **1. Nghĩa vụ**  ***a. Nghĩa vụ là gì?***  - Nghĩa vụ là đặc trưng riêng có ở con người, vì chỉ ở con mới có tư duy, ý thức, ngôn ngữ.  - Nghĩa vụ phản ánh mối quan hệ đạo đức đặc biệt giữa các nhân với cá nhân, giữa cá nhân với xã hội.  ***- Khái niệm nghĩa vụ:*** Là trách nhiệm của cá nhân đối với yêu cầu, lợi ích chung của cộng đồng, của xã hội.  + Cá nhân phải biết đặt nhu cầu lợi ích xã hội lên trên. Đồng thời hi sinh lợi ích cá nhân vì lợi ích chung.  + Xã hội phải có trách nhiệm đảm bảo nhu cầu lợi ích chính đáng đối với cá nhân.  ***b. Nghĩa vụ của người thanh niên VN hiện nay.***  - Chăm lo rèn luyện đạo đức, chống cái ác, bảo vệ cái thiện.  - Không ngừng học tập để nâng cao trình độ để đẩy mạnh sự nghiệp CNH - HĐH.  - Tích cực lao động sản xuất của cải vật chất và tinh thần để thực hiện dân giầu nước mạnh.  - Xây dựng và bảo vệ tổ quốc.  *- Nghĩa vụ học sinh*  + Rèn luyện đạo đức  + Học tập  + Giúp đỡ bố mẹ  **2. Lương tâm.**  ***a. Lương tâm là gì?***  - Lương tâm là năng lực tự đánh giá và điều chỉnh hành vi đạo đức của bản thân trong mối quan hệ với người khác và xã hội.  - Lương tâm tồn tại ở hai trạng thái.  + Lương tâm thanh thản  + Lương tâm cắn rứt.  ***b. Làm thế nào để trở thành người có lương tâm.***  - Thường xuyên rèn luyện đạo đức theo quan điểm tiến bộ.  - Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bản thân một cách tự giác  - Bồi dưỡng tình cảm trong sáng trong quan hệ giữa người với người.  *- Đối với học sinh*  + Tự giác thực hiện nghĩa vụ học sinh  + Có ý thức đạo đức, kỉ luật  + Có lối sống lành mạnh  + Biết quan tâm giúp đỡ người khác. |

***4. Củng cố.***

- Nhắc lại kiến tức trọng tâm của tiết

- Cho sinh trả lời một số câu hỏi cuối sách giáo khoa

***5. Dặn dò nhắc nhở.***

Về nhà học bài cũ, trả lời các câu hỏi cuối sách giáo khoa và chuẩn bị tiết 2 bài 11

**Bài 11: MỘT SỐ PHẠM TRÙ CƠ BẢN CỦA ĐẠO ĐỨC HỌC**

***(Tiết 2)***

**I. Mục tiêu bài học.**

**1. Về kiến thức.**

Học sinh nắm được thế nào là danh dự; nhân phẩm và hạnh phúc.

**2. Về kĩ năng.**

- Biết thực hiện các nghĩa vụ có liên quan đến bản thân

- Biết giữ gìn danh dự nhân phẩm của mình, biết phấn đấu cho hạnh của bản thân và xã hội.

**3. Về thái độ.**

- Coi trọng và giữ gìn danh dự, nhân phẩm và hạnh phúc.

- Tôn trọng nhân phẩm của người khác

**II. Tài liệu và phương tiện dạy học.**

- SGK, SGV GDCD lớp 10.

- Tình huống GDCD 10, Thực hành GDCD 10

**III. Hoạt động dạy và học.**

**1. Ổn định tổ chức.**

**2. Kiểm tra bài cũ*.***

? Em hãy trình bày thế nào là nghĩa vụ và lương tâm?

**3. Học bài mới.**

Danh dự và nhân phẩm được ai công nhận và đánh giá? khi chúng ta thỏa mãn các nhu cầu vật chất và tinh thần thì có cảm xúc như thế nào? đó là nội dung của bài hôm nay?

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| --- | --- |
| *Giáo viên đặt vấn đề:* mỗi người luôn có những phẩm chất nhất định, sau đó yêu cầu học sinh lấy ví dụ chúng minh. Sau đó giáo viên khẳng định rằng nhân phẩm là giá trị làm người của mỗi người.  ? Vậy nhân phẩm là gì?  ? Theo em người có nhân phẩm thì có những biểu hiện nào?  ? Theo em ai sẽ đánh giá người có nhân phân phẩm?  *Giáo viên đặt vấn đề*: trong bất kì xã hội nào người có nhân phẩm luôn được xã hội đánh giá cao, vì vậy mỗi chúng ta cần phải phấn đấu trở thành người có nhân phẩm và luôn ý thức giữ gìn nhân phẩm.    ? Theo em danh dự được ai đánh giá và công nhận?  ? Vì sao phải giữ gìn và bảo vệ danh dự ?  ? Em hãy so sánh giữa lòng tự trọng và lòng tự ái?  ? Em đã bao giờ tự ái chưa? tự ái có lợi hay có hại?  ? Mỗi học sinh cần phải làm gì để có nhân phẩm và danh dự cao đẹp?  Giáo viên cần khẳng định trong mọi sự đánh giá thì sự đánh giá của xã hội có ý nghĩa quan trọng hơn.  *Đặt vấn đề:* giáo viên có thể lấy ví dụ để học sinh nắm được thế nào là hạnh phúc. (khi các em thỏa mãn các nhu cầu vật chất thì em có cảm xúc như thế nào)  ? Khi con người thỏa mãn các nhu cầu thì xuất hiện cảm xúc gì? Cảm xúc đó được gọi là gì?  Hạnh phúc cá nhân và hạnh phúc xã hội giáo viên định hướng cho học sinh thảo luận, sau đó giáo viên nhấn mạnh mối quan hệ giữa hạnh phúc cá nhân và hạnh phúc xã hội. | **3. Nhân phẩm và danh dự.**  ***a. Nhân phẩm.***  *- Khái niệm:* Là toàn bộ những phẩm chất mà con người có được. Nói cách khác, nhân phẩm là giá trị làm người của mỗi con người.  *- Biếu hiện của nhân phẩm:*  + Có lương tâm trong sáng  + Có nhu cầu vật chất lành mạnh  + Thực hiện tốt nghĩa vụ đạo đức, chuẩn mực đạo đức tiến bộ  - Xã hội đánh giá cao người có nhân phẩm  ***b. Danh dự.***  *- Khái niệm:* Là sự coi trọng, đánh giá cao của dư luận xã hội đối với một người dựa trên các giá trị tinh thần, đạo đức của người đó.  - Danh dự là nhân phẩm đã được xã hội đánh giá và công nhận.  - Mỗi người cần giữ gìn vào bảo vệ danh dự của mình, đồng thời tôn trọng danh dự của người khác.  *- So sánh tự trọng và tự ái.*  + Giống: Đều là tình cảm của con người  + Khác:  ☺ Tự trọng: có động cơ và hành vi tốt, tôn trọng người khác.  ☺ Tự ái: đề cao cái tôi, chỉ nghĩ đến bản thân, đố kị với người khác.  *- Để có danh dự và nhân phẩm HS phải:*  + Rèn luyện đạo đức  + B.vệ, giữu gìn danh dự của mình  + Tôn trọng d. dự và n.phẩm của người khác  **4. Hạnh phúc.**  ***a. Hạnh phúc là gì?***  - Khi con người thỏa mãn các nhu cầu thì có cảm xúc vui sướng thì gọi là hạnh phúc.  *- Khái niệm:* Là cảm xúc vui sướng hài lòng của con người trong cuộc sống khi được đáp ứng, thỏa mãn nhu cầu chân chính lành mạnh về vật chất và tinh thần.  ***b. Hạnh phúc cá nhân và hạnh phúc xã hội.***  - Hạnh phúc xã hội là cuộc sống hạnh phúc tất cả mọi người.  - Hạnh phúc từng cá nhân là cơ sở của hạnh phúc xã hội  - Xã hội hạnh phúc thì cá nhân có điều kiện phấn đấu. |

***4. Củng cố.***

- Nhắc lại kiến thức trọng tâm của tiết và cả bài học

- Cho sinh trả lời một số câu hỏi cuối sách giáo khoa

***5. Dặn dò nhắc nhở.***

Về nhà học bài cũ, trả lời các câu hỏi cuối sách giáo khoa và chuẩn bị bài 12

**Bài 12: CÔNG DÂN VỚI TÌNH YÊU, HÔN NHÂN, GIA ĐÌNH**

***(Tiết 1)***

**I. Mục tiêu bài học.**

**1. Về kiến thức.**

Học sinh nắm được thế nào là tình yêu? Thế nào là tình yêu chân chính? Và nắm được những điều cần tránh trong tình yêu.

**2. Về kĩ năng.**

Biết nhận xét dánh giá một số quan niệm sai lầm về tình yêu.

**3. Về thái độ.**

- Yêu quý gia đình.

- Đồng tình ủng hộ các quan điểm đúng về tình yêu.

**II. Tài liệu và phương tiện dạy học.**

- SGK, SGV GDCD lớp 10.

- Tình huống GDCD 10, Thực hành GDCD 10

**III. Hoạt động dạy và học.**

**1. Ổn định tổ chức.**

**2. Kiểm tra bài cũ*.***

? Em hãy trình bày thế nào là nhân phẩm và danh dự?

**3. Học bài mới.**

Giáo viên nên có một lời giới thiệu chung về mối quan hệ giữa tình yêu, hôn nhân và gia đình như : Một tình yêu chân chính sẽ dẫn đến hôn nhân và hôn nhân se dẫn đến xây dựng một gia đình hành phúc. Vậy tình yêu… hôm này thầy và các cùng đi tìm hiểu bài 12...

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| --- | --- |
| Tình yêu là một khái niệm rộng nhưng đối với phạm vi của bài học này đó là tình yêu lứa đôi.  ? Cho học sinh đọc và thảo luận bài thơ trong sách giáo khoa trang 76 và 77.  ? Theo em tình yêu có biểu hiện như thế nào?  Giáo viên cho học sinh cả lớp thảo luận và nêu một số quan niệm về tình yêu.  *+ Tình yêu là chết trong lòng một tý.*  *+ Tình yêu là tình cảm, rung cảm giữa hai người*  *+ Tình yêu là con dao hai lưỡi có thể hạnh phúc có thể đâu khổ.*  ? Tình yêu là tình cảm đặc biệt giữa ai với ai?  *Giáo viên cho học sinh cả lớp thảo luận hai câu hỏi sau:*  ? Theo em tại sao tình yêu mang tính xã hội?  ? Theo em tại sao tình yêu mang tính giai cấp?  *Phần ‘b’ đã thể hiện rõ trong sách giáo khoa nên để học sinh tự học và thảo luận với nhau sau đó giáo viên có nhiệm vụ tổng kết lại những kết luận mà học sinh đã tự rút ra và bổ sung cho hoàn thiện.*  ? Theo em thế nào là một tình yêu chân chính ?  ? Biểu hiện của một tình yêu chân chính là gì?  *Phần ‘c’ đã thể hiện rõ trong sách giáo khoa nên để học sinh tự học và thảo luận với nhau sau đó giáo viên có nhiệm vụ tổng kết lại những kết luận mà học sinh đã tự rút ra và bổ sung cho hoàn thiện.*  Cho học sinh thảo luận tình huống sau:  *+ Tuổi HS THPT là tuổi đẹp nhất không yêu sẽ thiệt thòi*  *+ Nên yêu nhiều người để có sự lựa chọn*  *+ Đã yêu thì phải yêu hết mình, hiến dâng tất cả cho nhau.* | **1. Tình yêu.**  ***a. Tình yêu là gì?***  *- Biểu hiện của tình yêu.*  + Nhớ nhung, quyến luyến  + Tình cảm tha thiết  + Động cơ mãnh liệt  - Tình yêu là dạng tình cảm đặc biệt của con người xuất hiện ở nam và nữ khi đến tuổi trưởng thành.  - Khái niệm: SGK trang 77  *- Quan niệm cơ bản về tình yêu.*  + Tình yêu mang tính xã hội:  Mỗi người yêu nhau đều chịu ảnh hưởng của các quan niệm xã hội. (Kết quả của tình yêu → hôn nhân→ gia đình → dân số → giáo dục → việc làm → nhà ở → ...  + Tình yêu mang tính giai cấp.  *XH PK:* nam, nữ thụ thụ...cha mẹ đặt đâu… tại gia tòn phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử.  ***∙*** *XH hiện nay:* tự do yêu đương, hôn nhân, đẹp đẽ, cao thượng (nhưng không phủ nhận vai trò gia đình)  ***b. Thế nào là tình yêu chân chính.***  - Là tình yêu trong sáng, lành mạnh, phù hợp với quan niệm đạo đức tiến bộ xã hội.  - Biểu hiện:  *+ Tình cảm chân thực, quyến luyến, gắn bó*  *+ Quan tâm đến nhau, không vụ lợi*  *+ Chân thành, tôn trọng lẫn nhau*  *+ Sự cảm thông, lòng vị tha*  ***c. Một số điều cần tránh trong tình yêu.***  - Yêu đương quá sớm, nhầm lẫn giữa TB và TY  - Yêu một lúc nhiều người, hoặc vụ lợi trong tình yêu  - Có quan hệ tình dục trước hôn nhân |

***4. Củng cố.***

- Nhắc lại kiến thức trọng tâm của tiết học

- Cho sinh trả lời một số câu hỏi cuối sách giáo khoa

***5. Dặn dò nhắc nhở.***

Về nhà học bài cũ, chuẩn bị tiết 2 bài 12

**Bài 12: CÔNG DÂN VỚI TÌNH YÊU, HÔN NHÂN, GIA ĐÌNH**

***(Tiết 2)***

**I. Mục tiêu bài học.**

**1. Về kiến thức.**

Học sinh nắm được thế nào là Hôn nhân, chế độ hôn nhân ở nước ta hiện nay? Thế nào là gia đình và chức năng của gia đình, trách nhiệm của mỗi thành viên.

**2. Về kĩ năng.**

Biết nhận xét dánh giá một số quan niệm về hôn nhân và gia đình.

**3. Về thái độ.**

- Yêu quý gia đình.

- Đồng tình ủng hộ các quan điểm đúng về hôn nhân và gia đình

**II. Tài liệu và phương tiện dạy học.**

- SGK, SGV GDCD lớp 10.

- Tình huống GDCD 10, Thực hành GDCD 10

**III. Hoạt động dạy và học.**

**1. Ổn định tổ chức.**

**2. Kiểm tra bài cũ*.***

? Tào là tình yêu chân chính? Trong tình yêu cần tránh một số điều nào?

**3. Học bài mới.**

Giáo viên nên có một lời giới thiệu chung về mối quan hệ giữa tình yêu, hôn nhân và gia đình như: Một tình yêu chân chính sẽ dẫn đến hôn nhân và hôn nhân sẽ dẫn đến xây dựng một gia đình hành phúc. Vậy tình yêu… hôm này thầy và các cùng đi tìm hiểu bài 12...

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| --- | --- |
| *G.viên cho học sinh đọc ví dụ trong sách giáo khoa trang 80 sau đó sử dụng phương pháp vấn đáp và đàm thoại để học sinh nắm được kiến thức*  ? Quan hệ giữa họ về mặt pháp lý được coi là vợ chồng chưa? vì sao?  ? Theo em một tình yêu chân chính phát triển theo các giai đoạn như thế nào?  ? Theo em hôn nhân là kết quả của sự kiện pháp lý nào?  ? Theo em em hôn nhân thể hiện quyền và nghĩa vụ của ai?  ? Theo em Luật hôn nhân và gia đình ở Việt Nam quy định tuổi kết hôn là bao nhiêu?  ? Sau khio kết hôn nam nưc (vợ chồng) thường làm gì?  ? Em có suy nghĩ gì về suy nghĩ của cô gái trong ví dụ trong SGK trang 80?  *(Nợ lần, gia đình lục đục, không chấp hành chỉ thị của nhà nước)*  ? Theo em thế nào là hôn nhân tự nguyện và tiến bộ?  ? Theo em khi nam nữ yêu nhau có nên cho gia đình biết không?  ? Em hiểu thế nào là tự do kết hôn?  ? Em hiểu thế nào là tự do li hôn?  ? Theo em khi cha mẹ ly hôn thì dẫn đến tác hại gì đối với con cái?  *(Không được chăm sóc nuôi dưỡng, đời sống tinh thần tổn thương...)*  ? Thế nào là hôn nhân vợ chồng bình đẳng?  ? Theo em phải có điều kiện gì để hình thành nên gia đình?  ? Em hiểu thế nào là gia đình, thế nào là quan hệ hôn nhân và quan hệ huyết thống?  ? Theo em ở nước ta hiện nay có những loại hình gia đình nào?  ? Theo em một gia đình ở Việt Nam hiên nay nên có mấy con? vì sao?  ? Cho học trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa?  ? Cho học trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa?  *(Cần kết hợp giữa nhà trường và gia đình)*  ? Cho học trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa?  ? Theo em trong 4 chức năng này chức năng nào quan trọng hơn cả?  ? Theo em quan hệ vợ chồng dựa trên cơ sở gì ?  ? Theo em cha mẹ phải có trách nhiệm gì đối với con cái  và ngược lại?  ? Ông bà có trách nhiệm gì đối với các cháu và ngược lại?  ? Em hiểu như thế nào về câu tục ngữ «Anh em như thể chân tay» | **2. Hôn nhân.**  ***a. Hôn nhân là gì?***  - Tình yêu chân chính → HN; HN → Kết hôn.  *- Khái niệm:* Hôn nhân là qua hệ giữa vợ và chồng sau khi đã kết hôn.  - Hôn nhân thể hiện quyền và nghĩa vụ của vợ và chồng được pháp luật công nhận và bảo vệ.  - Tuổi kết hôn (VN): Nam là 20; Nữ là 18  - Sau khi kết hôn → tổ chức đám cưới để ra mắt họ hành, làng xóm, bàn bè.  ***b. Chế độ hôn nhân ở nước ta hiện nay.***  - Hôn nhân tự nguyện và tiến bộ  + Dựa trên tình yêu chân chính  + Tự do kết hôn theo luật định  + Tự do li hôn  + HN đảm bảo về mặt pháp lý  - Hôn nhân một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.  *Như vậy:* tình yêu chân chính là cơ sở của hôn nhân, là nền tảng hạnh phúc của gia đình.  **3. Gia đình, chức năng của gia đình, các mối quan hệ gia đình và trách nhiệm của các thành viên.**  ***a. Gia đình.***  *- Khái niệm:* Gia đình là một cộng đồng người chung sống và gắn bó với nhau bởi hai mối quan hệ cơ bản là quan hệ hôn nhân và quan hệ huyết thống.  *- Những loại gia đình:*  + Gia đình một thế hệ (vợ chồng)  + Gia đình hai thế hệ (vc và các con)  + Gia đình 3 – 4 thế hệ ( Tam – tứ đại đồng đường)  ***b. Chức năng của gia đình.***  - Chức năng duy trì nòi giống  - Chức năng kinh tế  - Chức năng nuôi dưỡng và giáo dục con cái  - Chức tổ chức đời sống gia đình.  *Chú ý:* Chức năng nuôi dưỡng và giáo dục côn cái là quan trọng hơn cả.  ***c. Mối quan hệ gia đình và trách nhiệm của các thành viên.***  - Quan hệ giữa vợ và chồng (TY-PL)  - Quan hệ giữa cha mẹ với con cái  - Q.hệ giữa ông bà với các cháu  - Quan hệ giữa các anh chị em  => (h.thống) |

***4. Củng cố.***

- Nhắc lại kiến thức trọng tâm của tiết học

- Cho sinh trả lời một số câu hỏi cuối sách giáo khoa

***5. Dặn dò nhắc nhở.***

Về nhà học bài cũ, chuẩn bị tiết sau kiểm tra bài cũ.

**Bài 13: CÔNG DÂN VỚI CỘNG ĐỒNG (Tiết 1)**

**I. Mục tiêu bài học.**

**1. Về kiến thức:**

Học sinh nắm được cộng đồng là gì và vai trò của cộng đồng đối với cuộc sống của con người. Đồng thời nêu được thế nào là nhân nghĩa và biểu hiện được trưng của nhân nghĩa.

**2. Về kĩ năng:**

Biết sống nhân nghĩa với mọi người xung quanh.

**3. Về thái độ:**

- Yêu quý gắn bó với lớp, với trường, với cộng đồng nơi ở.

**II. Tài liệu và phương tiện dạy học.**

- SGK, SGV GDCD lớp 10.

- Tình huống GDCD 10, Thực hành GDCD 10

**III. Hoạt động dạy và học.**

***1. Ổn định tổ chức.***

***2. Kiểm tra bài cũ.***

***3. Học bài mới.***

Giáo viên có thể bắt đầu bằng việc khẳng định: Con người chúng ta ai cũng sống, học tập và làm việc trong cộng đồng. Không ai có thể tách rời cộng đồng. Vậy cộng đồng là gi và chúng ta cần phải có trách nhiệm như thế nào đối với cộng đồng? Đó là nội dung của bài hôm nay...

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| --- | --- |
| *Giáo viên yêu cầu học sinh kể tên một số ví dụ về cộng đồng, từ đó giáo viên hướng dẫn học sinh khái quát thành khái niệm cộng đồng.*  *Giáo viên giúp cho học sinh giải thích cùm từ cộng đồng.*  «Cộng» là sự kết hợp, gộp lại  «Đồng» là cùng nhau, cùng nơi, cùng làm...  ? Em hãy lấy ví dụ về cộng đồng mà em biết ? Con người có thể tham gia nhiều cộng đồng được không?  *Ví dụ như tham gia nhiều cộng đồng như: cộng đồng gia đình; lớp học; nhà trường; dân cư...*  ? Theo em cộng đồng có những đặc điểm gì (hay là điểm giống và khác)?  *Muốn duy trì cuộc sống của mình, con người phải lao động và liên hệ với những người khác, với cộng đồng. Không ai có thể sống bên ngoài cộng đồng và xã hội. Nên C.Mác nói “Trong tính hiện thức của nó, bản chất con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội”*  *Giáo viên nêu câu hỏi để học sinh cả lớp thảo luận.*  ? Cộng đồng có vai trò như thế nào đối với cuộc sống của con người?  ? Điều gì sẽ xảy ra nếu con người phải sống tách biệt với cộng đồng?  ? Vậy chúng ta cần phải sống và ứng xử như thế nào trong cộng đồng, đặc biệt là tập thể lớp học, trường học và cộng đồng dân cư nơi cư trú?  *Mỗi cộng đồng đều có chuẩn mực đạo đức, quy tắc ứng xử riêng và mỗi cá nhân sống trong đó phải có nghĩa vụ tuân thủ. Nhân nghĩa, hòa hợp, hợp tác là những chuẩn mực đạo đức quan trọng nhất mà công dân hiện nay phải có.*  ? Em hãy cho biết ý nghĩa của các câu tục ngữ dưới đây?  *- Thương người như thể thương thân*  *- Lá lành đùm lá rách*  ? Em hãy cho biết biểu hiện của truyền thống nhân nghĩa Việt Nam?  ? Vì sao nhân nghĩa lại là một yêu cầu về mặt đạo đức của người công dân trong quan hệ với cộng đồng?  ? Học sinh cần làm gì để kế thừa và phát huy truyền thống nhân nghĩa của dân tộc?  *Giáo viên hướng dẫn học sinh lấy ví dụ việc làm cụ thể, thể hiện lòng nhân nghĩa của bản thân, gia đình, nhà trường và xã hội.*  - Lễ phép với thầy, cô giáo  - Vâng lời cha mẹ, chăm sóc cha mẹ khi ốm  - Giúp đỡ bạn trong lớp bị ốm  - Thăm nghĩa trang liệt sĩ  .... | **1. Cộng đồng và vai trò của cộng đồng đối với cuộc sống của con người.**  ***a. Cộng đồng là gì?***  - *Cộng đồng* là toàn thể những người cùng chung sống, có những đặc điểm giống nhau, gắn bó thành một khối trong sinh hoạt xã hội.  - *Ví dụ:* Cộng đồng dân cư, làng xã, ngôn ngữ, dân tộc, người Việt Nam ở nước ngoài...  - *Đặc điểm của cộng đồng:*  *+ Giống nhau*: Nguồn gốc, tiếng nói, chữ viết, đời sống, phong tục tập quán.  *+ Khác nhau:* Về quy mô, loại hình, tổ chức, hoạt động.  ***b. Vai trò của cộng đồng đối với cuộc sống của con người.***  - Chăm lo cuộc sống của cá nhân  - Đảm bảo cho mọi người có điều kiện phát triển.  - Cộng đồng giải quyết hợp lý mối quan hệ lợi ích chung và riêng, giữa lợi ích và trách nhiệm, giữa quyền và nghĩa vụ.  - Cá nhân phát triển trong cộng đồng từ đó tạo nên sức mạnh của cộng đồng.  **2. Trách nhiệm của công dân đối với cộng đồng.**  ***a. Nhân nghĩa.***  - *Nhân* là lòng thương người  - *Nghĩa* là hợp với lẽ phải  - *Như vậy:* Nhân nghĩa là lòng thương người và đối xử với người theo lẽ phải.  *- Biểu hiện:*  + Nhân ái, thương yêu, giúp đỡ nhau.  + Nhường nhịn, đùm bọc lẫn nhau.  + Vị tha, bao dung, độ lượng.  *- Nhân nghĩa là yêu cầu về mặt đạo đức vì*: Làm cho quan hệ giữa các thành viên trong cộng đồng thêm gần gũi, gắn bó, cuộc sống trở lên tốt đẹp và ý nghĩa hơn.  *- Mỗi học sinh cần phải:*  + Kính trọng, biết ơn, hiếu thảo với cha mẹ, ông bà.  + Quan tâm giúp đõ mọi người.  + Cảm thông, bao dung, độ lượng, vị tha.  + Tích cực tham gia các hoạt động «Uống nước nhớ nguồn», «đền ơn đáp nghĩa»  + Kính trọng biết ơn các vị anh hùng dân tộc.  + Tôn trọng giữ gìn truyền thống tốt điệp của dân tộc. |

***4. Củng cố.***

- Nhắc lại kiến thức trọng tâm của tiết học

- Cho sinh trả lời một số câu hỏi cuối sách giáo khoa

***5. Dặn dò nhắc nhở.***

Về nhà học bài cũ, chuẩn bị tiết 2 của bài 13

**Bài 13: CÔNG DÂN VỚI CỘNG ĐỒNG (Tiết 2)**

**I. Mục tiêu bài học.**

**1. Về kiến thức:**

- Học sinh nắm được thế nào là hòa nhập, hợp tác.

- Nêu được các biểu hiện của hòa nhập, hợp tác

**2. Về kĩ năng:**

Biết sống hòa nhập, hợp tác với mọi người xung quanh.

**3. Về thái độ:**

- Yêu quý gắn bó với lớp, với trường, với cộng đồng nơi ở.

**II. Tài liệu và phương tiện dạy học.**

- SGK, SGV GDCD lớp 10.

- Tình huống GDCD 10, Thực hành GDCD 10

- Bảng phụ

**III. Hoạt động dạy và học.**

***1. Ổn định tổ chức.***

***2. Kiểm tra bài cũ.***

? Em hãy cho biết thế nào là cộng đồng? cộng đồng có vai trò gì đối với cuộc sống của con người? *(có thể kiểm tra hoặc không kiểm tra)*

***3. Học bài mới.***

Giáo viên có thể bắt đầu bằng việc khẳng định: Là con người, ai cũng sống, học tập và làm việc tromg cộng đồng nhất định. Tuy nhiên không phải ai cũng hòa nhập được với cộng đồng. Vậy thế nào là sống hòa nhập và hợp tác? Đó là nội dung của bài hôm nay...

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| --- | --- |
| Như chúng ta đã biết, cộng đồng là môi trường xã hội để các cá nhân thực hiện liên kết, hợp tác với nhau, tạo nên đời sống của mình và cộng đồng. Tuy nhiên không phải ai cũng hòa nhập được với cộng đồng, xã hội. Vậy thế nào là hòa nhập, ý nghĩa của hòa nhập là gì ?  GV cho một học sinh đọc và học sinh cả lớp trao đổi hai tình huống sau (treo tình huống lên bảng) từ đó tìm hiểu thế nào là hòa nhập.  **Tình huống 1:** Bố Minh bị đi tù, mẹ đi lấy chồng khác, Minh ở với ông bà nội. Được sự quan tâm của thầy cô, bạn bè. Minh không mặc cảm, tự ti, sống vui vẻ, gần gũi với bạn bè, cố gắng học tập tốt, hiếu thuận với ông bà. Minh cảm thấy yêu cuộc đời, yêu mọi người hơn khi nhận được sự quan tâm ấy.  **Tình huống 2:** Trong cuộc đời hoạt động cách mạng, Bác Hồ đã từng bôn ba rất nhiều nơi. Nhưng dù ở đâu Bác cũng luôn gần gũi, yêu thương mọi người. Quan tâm giúp đỡ đồng cam cộng khổ với nhân dân. Được nhân dân tin cậy và yêu mến.  *- Học sinh trả lời ý kiến cá nhân*  *- Giáo viên liệt kê ý kiến của học sinh lên bảng*  *- Học sinh cả lớp trao đổi, góp ý kiến*  *- Giáo viên nhận xét, bổ xung, kết luận*  Giáo viên giúp học nắm được kiến thức Hòa nhập bằng phương pháp đàm thoại theo các câu hỏi.  ? Thế nào là sống hòa nhập?  ? Khi chúng ta sống hòa nhập với cộng đồng, xã hội sẽ đem lại ý nghĩa gì?  *Giáo viên lưu ý: người sống không hòa nhập sẽ cảm thấy đơn độc, buồn tẻ, cuộc sống kém ý nghĩa.*  ? Học sinh cần phải làm gì để sống hòa nhập với cộng đồng, xã hội?  Chuyển ý: Trong cuộc sống con người cần phải biết hợp tác với nhau, vậy thế nào là hợp tác, hợp tác phải dựa trên nguyên tắc nào.  Giáo viên đưa ra một tình huống để học sinh cùng giải quyết, sau đó hỏi học sinh công việc các em vừa làm được gọi là gì ?  **Tình huống:** Giáo viên gọi 02 học sinh lên bảng và thực hiện trò chơi đó là một học mô tả đồ vật, học sinh còn lại đoán đồ vật đó là gì.  ? Thế nào là hợp tác?  *Giáo viên tổ chức cho học thảo luận nhóm, chia lớp ra làm bốn nhóm thực hiện bốn yêu cầu sau:*  **Nhóm 1**  Theo em, hợp tác có những biểu hiện cơ bản nào?  **Nhóm 2**  Theo em, khi chúng ta thực hiện tốt hợp tác thì sẽ đem lại ý nghĩa gì?  **Nhóm 3**  Trong hợp tác chúng ta phải dựa trên những nguyên tắc cơ bản nào?  **Nhóm 4**  Theo em, có các loại hợp tác cơ bản nào?  *- Học sinh tiến hành thảo luận nhóm theo câu hỏi*  *- Giáo viên hướng dẫn học sinh thảo luận*  *- Đại diện các nhóm trình bày kết quả*  *- Các nhóm khác nhận xét, bổ xung (nếu có)*  *- Giáo viên ghi ý kiến của học sinh lên bảng sau đó nhận xét, kết luận.*  Từ khi ngồi trên nghế nhà trường, học sinh chúng ta cần phải rèn luyện tinh thần hợp tác với mọi người trong các hoạt động học tập, lao động, hoạt động tập thể, hoạt động xã hội.  ? Vậy để thực hiện tốt tinh thần hợp tác học sinh cần phải làm gì? | **2. Trách nhiệm của công dân đối với cộng đồng.**  ***b. Hòa nhập***  **- Khái niệm:** Sống hòa nhập là gần gũi, chan hòa, không xa lánh mọi người; không gây mâu thuẫn, bất hoàn với người khác; có ý thức tham gia các hoạt động chung của cộng đồng.  **- Ý nghĩa:**Sẽ có thêm niềm vui, niềm tin và sức mạnh vượt qua khó khăn trong cuộc sống.  **- Học sinh cần phải:**  + Tôn trọng, đoàn kết, giúp đỡ, vui vẻ, chan hòa với bạn, thầy cô, mọi người xung quanh.  + Tích cực tham gia vào các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội, vận động mọi người cùng tham gia.  ***c. Hợp tác***  **- Khái niệm**: Hợp tác là cùng chung sức làm việc, giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau trong một công việc, một lĩnh vực nào đó vì mục đích chung.  **- Biểu hiện của hợp tác.**  + Cùng bàn bạc  + Phối hợp nhịp nhàng  + Hiểu biết về nhiệm vụ của nhau  + Sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ  **- Ý nghĩa của hợp tác.**  + Tạo nên sức mạnh tinh thần và thể chất  + Đem lại chất lượng và hiệu quả công việc  + Phẩm chất của con người mới đó là biết hợp tác  **- Nguyên tắc hợp tác.**  + Tự nguyện, bình đẳng  + Các bên cùng có lợi  **- Các loại hợp tác.**  + Hợp tác song phương và đa phương  + Hợp tác từng lĩnh vực hoặc hợp tác toàn diện  + Hợp tác giữa các cá nhân, các nhóm, giữa các cộng đồng, dân tộc, quốc gia.  **- Học sinh phải:**  + Cùng nhau bàn bạc, xây dựng kế hoạch, phân công cụ thể.  + Nghiêm túc thực hiện.  + Phối hợp nhịp nhàng, chia sẻ, đóng góp sáng kiến cho nhau.  + Đánh giá rút kinh nghiệm. |

**4. Cùng cố.**

- Giáo viên cho học sinh trả lời các câu hỏi sau:

+ Em hiểu thế nào về quan điểm của đảng ta: «Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước»

+ Giải thích câu ca dao sau :

«Một cây làm chẳng lên non

Ba cây chụm lại lên hòn núi cao»

**5. Dặn dò, nhắc nhở.**

Về nhà các em học bài cũ trả lời các câu hỏi cuối bài học và chuẩn bị trước bài 14.

**Bài 14: CÔNG DÂN VỚI SỰ**

**NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC *(Tiết 1)***

**I. Mục tiêu bài học.**

**1. Về kiến thức:**

Nêu được thế nào là lòng yêu nước và các biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước Việt Nam.

**2. Về kĩ năng:**

Biết tham gia vào các hoạt động xây dựng, bảo vệ quê hương, đất nước phù hợp với khả năng của bản thân.

**3. Về thái độ.**

- Yêu quý, tự hào về quê hương, đất nước, dân tộc

- Có ý thức học tập, rèn luyện để góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước.

**II. Tài liệu và phương tiện dạy học.**

- SGK, SGV GDCD lớp 10.

- Thực hành GDCD 10

**III. Hoạt động dạy và học.**

***1. Ổn định tổ chức.***

***2. Kiểm tra bài cũ.***

Em hãy cho biết thế nào là hợp tác? Hợp tác có biểu hiện, ý nghĩa gì? trong hợp tác chúng ta phải tuân theo nguyên tắc nào? có các loại hợp tác cơ bản nào?

***3. Học bài mới.***

Mỗi người đều có tổ quốc của mình. Việt nam là tổ quốc của chúng ta. Đó là tên gọi của đất nước ta một cách thiêng liêng, trìu mến. Là công dân của nước CHXHCN Việt Nam chúng ta có phải yêu nước không và phải có trách nhiệm như thế nào đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Đó là nội dung của bài hôm nay mà thầy và các em cùng đi tìm hiểu nài 14

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| --- | --- |
| Yêu nước là tình cảm tự nhiên có từ lâu đời, là phẩm chất đạo đức quan trọng nhất của công dân với tổ quốc nó được lớn dần lên cùng với sự mở rộng quan hệ của con người đối với đất nước  Giáo viên cho học sinh thảo luận bài thơ sau  «Sông núi nước Nam vua Nam ở  Rành rành định phận ở sách trời  Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm  Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời»  «Ôi tổ quốc, ta yêu như máu thịt  Như mẹ cha ta, như vợ như chồng  Vì tổ quốc, nếu cần ta chết  Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông»  ? Em có nhận xét gì về tình cảm của tác giả đối với tổ quốc qua hai bài thơ trên?  - Học sinh trình bày ý kiến  - Học sinh cả lớp trao đổi  - Giáo viên nhận xét, bổ xung  ? Theo em, lòng yêu nước được bắt nguồn từ đâu?  ? Truyền thống yêu nước của dân tộc ta được thể hiện như thế nào?  ? Truyền thống yêu nước của dân tộc ta được hình thành từ đâu?  ? Em hãy so sánh sự khác nhau giữa lòng yêu nước trước đây với ngày nay?  Biểu hiện của lòng yêu nước được ghi cụ thể trong sách giáo khoa, giáo viên tổ chức cho học sinh cùng thảo luận.  ? Lòng yêu nước của dân tộc Việt Nam có biểu hiện như thế nào? Lấy ví dụ minh chứng cho các biểu hiện đó?  - Học sinh trình bày ý kiến  - Giáo viên nhận xét, kết luận  ? Vậy là một học sinh, em phải làm gì để góp phần xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước?  - Học sinh phát biểu ý kiến cá nhân  - Học sinh cả lớp trao đổi  - Giáo viên nhận xét, tổng hợp ý kiến của học sinh | **1. Lòng yêu nước.**  ***a. Lòng yêu nước là gì?***  **- Khái niệm:** Lòng yêu nước là tình yêu quê hương, đất nước và tinh thần sẵn sàng đem hết khả năng của mình phục vụ lợi ích của tổ quốc.  **- Lòng yêu nước được bắt nguồn từ:**  + Tình yêu cha mẹ, anh chị em và mọi người xung quanh.  + Tình yêu quê hương.  + Lòng tự hào dân tộc.  ***b. Truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam***  - Là truyền thống cao quý và thiêng liêng  - Là cội nguồn của các giá trị truyền thống khác  - Được hình thành từ trong các cuộc đấu tranh chóng giặc và trong lao động sản xuất  **\* Sự khác nhau về lòng yêu nước**  + Trước đây: Chống giặc ngoại xâm là hàng đầu.  + Ngày nay: Xây dựng đất nước giàu mạnh, bảo vệ tổ quốc và phát huy truyền thống yêu nước  **- Lòng yêu nước được thể hiện:**  + Tình cảm gắn bó với quê hương, đất nước  + Tình thương yêu đối với đồng bào, giống nòi, dân tộc  + Lòng tự hào dân tộc chính đáng  + Đoàn kết, kiên cường bất khuất chóng giặc  + Cần cù và sáng tạo trong lao động  **- Học sinh cần phải:**  + Giữ gìn, phát huy thuyền thống yêu nước của dân tộc  + Thể hiện lòng yêu nước của mình trong học tập, lao động và cuộc sống |

**4. Cùng cố.**

Giáo viên tổ chức cho học sinh trò chơi như thi hát, đọc thơ, kể truyện về tình yêu quê hương đất nước

**5. Dặn dò, nhắc nhở.**

Về nhà các em học bài cũ trả lời các câu hỏi cuối bài học và chuẩn bị trước tiết bài 14.

**Bài 14: CÔNG DÂN VỚI SỰ**

**NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC *(Tiết 2)***

**I. Mục tiêu bài học.**

**1. Về kiến thức:**

Trình bày được trách nhiệm của công dân, đặc biệt là công dân học sinh đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

**2. Về kĩ năng:**

Biết tham gia vào các hoạt động xây dựng, bảo vệ quê hương, đất nước phù hợp với khả năng của bản thân.

**3. Về thái độ.**

- Yêu quý, tự hào về quê hương, đất nước, dân tộc

- Có ý thức học tập, rèn luyện để góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước.

**II. Tài liệu và phương tiện dạy học.**

- SGK, SGV GDCD lớp 10.

- Thực hành GDCD 10

**III. Hoạt động dạy và học.**

***1. Ổn định tổ chức.***

***2. Kiểm tra bài cũ.***

Em hãy cho biết thế nào là lòng yêu nước? Lòng yêu nước được thể hiện như thế nào?

***3. Học bài mới.***

Học sinh chúng ta là những công dân trẻ tuổi của đát nước chúng ta cần phải làm gì để giữ gìn và phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc góp phần xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước. Đó là câu hỏi đặt ra mà hôm nay thầy và các em cùng đi tìm hiểu tiếp bài 14...

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| --- | --- |
| ? Trách nhiệm xây dựng kinh tế phải được thể hiện như thế nào?  ? Nhiệm vụ xây dựng chế độ chính trị...được thể hiện như thế nào?  ? Trách nhiệm xây dựng xã hội bình đẳng... được thực hiện như thế nào?    ? Vậy là thanh niên học sinh phải có trách nhiệm gì trong xây dựng quê hương đất nước?  ? Theo em, bảo vệ tổ quốc là quyền và nghĩa vụ của ai?  Giáo viên đặt vấn đề: Bác Hồ đã dạy «các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước»  ? Em hiểu thế nào về lời dạy của Bác Hồ?  Lời Bác muốn nhắc nhở chúng ta về trách nhiệm bảo vệ giang sơn, đất nước mà cha ông chúng ta đã đổ mồ hôi, xương máu mới gây dựng lên.  ? Theo em, chúng ta cần phải làm gì để thực hiện lời dạy của Bác?  Chúng ta phải thể hiện lòng yêu nước bằng thái độ, việc làm cụ thể. Là công dân trẻ tuổi của đất nước, chúng ta cần phải làm gì để góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.  ? Vậy mỗi thanh niên học sinh phải có trách nhiệm gì trong việc bảo vệ tổ quốc?  ? Em hãy cho biết hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay là gi ? tại sao hai nhiệm vụ này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau? | **2. Trách nhiệm xây dựng tổ quốc.**  - Xây dựng về kinh tế giàu mạnh  - Xây dựng chế độ chính trị ổn định, phát huy được quyền làm chủ của công dân  - Xây dựng xã hội bình đẳng, công bằng và tiến bộ.  **- Thanh niên học sinh cần phải:**  + Chăm chỉ, sáng tạo trong học tập và lao động  + Tích cực rèn luyện đạo đức và lối sống  + Quan tâm đến đời sống chính trị xã hội  + Tích cực xây dựng quê hương đất nước  + Đấu tranh, phê phán với cái sai  **3. Trách nhiệm bảo vệ tổ quốc.**  - Bảo vệ tổ quốc là quyền, nghĩa vụ thiêng liêng, cao quý của công dân. *(điều 77 - HP 92)*  **- Trách nhiệm của thanh niên học sinh**.  + Trung thành với tổ quốc, chế độ XHCN  + Tích cực học tập, rèn luyện đạo đức và sức khỏe  + Tham gia nghĩa vụ quân sự khi đến tuổi  + Tham gia vào hoạt động QPAN ở địa phương  + Vận động mọi người thực hiện nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc  **- Hai nhiệm vụ** chiến luộc của cách mạng Việt Nam hiện nay là xây dựng và bảo vệ tổ quốc |

**4. Cùng cố.**

Giáo viên cho học sinh thảo luận tình huống sau

*Thanh được địa phương cử và cấp kinh phí học để sau này trở về phục vụ quê hương. Nhưng sau khi học xong Thanh tìm mọi cách xin ở lại thành phố.*

- Học sinh cùng trao đổi thảo luận

- Giáo viên nhận xét, bổ xung

**5. Dặn dò, nhắc nhở.**

Về nhà các em học bài cũ trả lời các câu hỏi cuối bài học và chuẩn bị trước bài 15.

**Bài 15: CÔNG DÂN VỚI MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẤP THIẾT CỦA NHÂN LOẠI**

**I. Mục tiêu bài học.**

**1. Về kiến thức:**

Biết được một số vấn đề cấp thiết của nhân loại hiện nay. Hiểu được trách nhiệm của công dân

**2. Về kĩ năng:**

Tham gia các hoạt động phù hợp với khả năng của bản thân để góp phần giải quyết một số vấn đề cấp thiết của nhân loại hiện nay.

**3. Về thái độ:**

Tích cực ủng hộ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, ủng hộ những hoạt động góp phần giải quyết một số vấn đề cấp thiết của nhân loại.

**II. Tài liệu và phương tiện dạy học.**

SGK, SGV GDCD lớp 10; Thực hành GDCD 10

**III. Hoạt động dạy và học.**

***1. Ổn định tổ chức.***

***2. Kiểm tra bài cũ.***Em hãy nêu trách nhiệm của TNHS trong việc xây dựng và bảo vệ tổ quốc?

***3. Học bài mới.***

Qua sách báo và các phương tiện thông tin đại chúng, các em thấy các quốc gia trên thế giới hiện nay thường quan tâm đến những vấn đề gì ? Vì sao họ lại quan tâm đến những vấn đề đó?

| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| --- | --- |
| Xung quanh chúng ta là thế giới vật chất. Tài nguyên và môi trường luôn gắn liền với cuộc sống hàng ngày của mỗi người.  ? Theo em môi trường bao gồm những yếu tố nào?  ? Theo em tài nguyên được chia ra làm mấy loại?  ? Em có nhận xét và đánh giá gì về thực trạng MT ở nước ta hiện nay?  ? Theo em bảo vệ môi trường là việc khắc phục mối quan hệ gì?  ? Vậy là học sinh chúng ta phải làm gì để bảo vệ môi trường?  *Giáo viên đưa ra số liệu sau:*  Năm 1950 DS thế giới là 2,5 tỉ người  Năm 1980 DS thế giới là 4,4 tỉ người  Năm 1987 DS thế giới là 5,0 tỉ người  Năm 2006 DS thế giới là 6,6 tỉ người  ? Qua số liệu trên em có suy nghĩ gì về vấn đề dân số?  ? Theo em, bùng nổ dân số sẽ gây ra những hậu quả gì?  ? Theo em, nhà nước chúng ta phải làm gì để hạn chế sự bùng nổ dân số ?  ? Học sinh chúng ta phải làm gì để góp phần khắc phục sự bùng nổ dân số?  Theo điều tra của tổng cục thống kê ở Việt Nam có : 16.660 trẻ vị thành niên ở tuổi 13 - 14; 125.000 em tuổi 15 - 17; 407.755 em từ 17 - 19 tuổi đã có vợ hoặc chồng.  ? Từ số liệu nêu trên em có suy nghĩ gì về tình hình đó?  *Giáo viên đưa ra các số liệu sau*: Theo ước tính của WHO đã có gần 40 triệu người trên toàn cầu nhiễm HIV trong đó 90% tập trung ở các nước đang phát triển, ở nước ta tính đến ngày 31/12/2005 đã có 104.111 người nhiễm HIV, 17.289 người bị AIDS, 10.071 đã tử vong.  ? Em có suy nghĩ gì khi đọc thông tin trên?  ? Em hãy kể tên những dịch bệnh hiểm nghèo?  ? Vậy chúng ta phải làm gì để phòng ngừa và đẩy lùi những dịch bệnh hiểm nghèo?  Các bệnh hiểm nghèo đang uy hiếp cuộc sống của toàn nhân loại. Vì vậy các quốc gia, cộng đồng quốc tế và cả loài người cần phải hợp tác, đầu tư trí tuệ, sức lực và của cải để ngăn chặn, đẩy lùi các bệnh hiểm nghèo. | **1. Ô nhiễm môi trường và trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ môi trường.**  **a. Ô nhiễm môi trường.**  **- Môi trường bao gồm các:** Yếu tố tự nhiên và yếu tố vật chất nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người như: đất, nước, khí quyển, tài nguyên các loại trong lòng đất, dưới biển trên rừng… có ảnh hưởng tới đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và thiên nhiên.  **- Tài nguyên được chia thành:**  + Tài nguyên không thể tái tạo được  + Tài nguyên có thể tái tạo được  + Tài nguyên vô tận  **- Thực trạng về môi trường**  + Ô nhiễm đất, nước, không khí, biển…  + Sự cố môi trường: Bão, lũ lụt, hạn hán… ngày càng tăng  + Tài nguyên rừng, biển, khoáng sản, các loài động, thực vật bị cạn kiệt do khai thác bừa bãi  ***b. Trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ môi trường.***  **- BVMT:** là khắc phục mâu thuẫn nảy sinh trong quan hệ giữa con người với tự nhiên, làm thế nào để hoạt động của con người không phá vỡ các yếu tố cân bằng của tự nhiên.  **- TNHS phải:**  + Giữ gìn vệ sinh chung  + Bảo vệ và sử dụng tiết kiện tài nguyên  + Tham gia bảo vệ môi trường  + Phê phán hành vi làm ảnh hưởng đến môi trường.  **2. Bùng nổ về dân số và trách nhiệm của công dân trong việc hạn chế bùng nổ dân số.**  ***a. Sự bùng nổ dân số.***  **- Bùng nổ dân số:** là sự gia tăng dân số quá nhanh trong một thời gian ngắn, gây ảnh hưởng tiêu cực đến mọi mặt của đời sống xã hội.  **- Hậu quả bùng nổ dân số:** Cạn kiệt TN, ÔNMT; Kinh tế suy thoái, thất nghiệp, thất học, suy thoái nòi giống, bệnh dịch, TNXH tăng…  ***b. Trách nhiệm của công dân trong việc hạn chế sự bùng nổ dân số.***  - Chấp hành luật HN-GĐ, CSDS  - Tuyên truyền và vận động mọi người thực hiện luật HNGĐ và CSDS.  **3. Những dịch bệnh hiểm nghèo và trách nhiệm của công dân trong việc phòng ngừa, đẩy lùi những dịch bệnh hiểm nghèo.**  ***a. Những dịch bệnh hiểm nghèo.***  Lao; ung thư; dịch tả; cúm gia cầm; sốt rét; HIV, AIDS  ***b. Trách nhiệm công dân trong việc tham gia phòng ngừa và đẩy lùi những dịch bệnh hiểm nghèo.***  - Rèn luyện sức khỏe, ăn uống điều độ, bảo vệ sức khỏe  - Sống lành mạnh, trách xa các TNXH  - Tích cực tham gia công tác tuyên truyền |

**4. Cùng cố.**

Giáo viên nhắc lại kiến thức trọng tâm của bài học.

**5. Dặn dò, nhắc nhở.**

Về nhà các em học bài cũ trả lời các câu hỏi cuối bài học và chuẩn bị trước bài 16.

**Bài 16: TỰ HOÀN THIỆN BẢN THÂN**

**I. Mục tiêu bài học.**

**1. Về kiến thức:**

- Hiểu được thế nào là tự hoàn thiện bản thân.

- Hiểu được sự cần thiết phải tự hoàn thiện bản thân theo các giá trị đạo đức tiến bộ.

**2. Về kĩ năng:**

Biết đặt mục tiêu phấn đấu, rèn luyện, tự hoàn thiện bản thân theo các giá trị đạo đức xã hội và có quyết tâm vượt khó khăn để thực hiện mục tiêu đã đặt ra.

**3. Về thái độ:**

- Coi trọng việc tu dưỡng và tự hoàn thiện bản thân.

- Tự trọng, tự tin vào khả năng phát triển của bản thân, đồng thời biết tôn trọng, thừa nhận và học hỏi điểm tốt của người khác.

**II. Tài liệu và phương tiện dạy học.**

- SGK, SGV GDCD lớp 10.

- Thực hành GDCD 10

**III. Hoạt động dạy và học.**

***1. Ổn định tổ chức.***

***2. Kiểm tra bài cũ.***

Thế nào là bùng nổ dân số và trách nhiệm của công dân trong việc hạn chế bùng nổ dân số?

***3. Học bài mới.***

Giáo viên có thể yêu cầu học sinh nêu các giá trị đạo đức của người Việt Nam hiện nay, sau đó đặt câu hỏi: Có phải ai cùng đều có sẵn những phẩm chất đó không? để có những phẩm chất đó chúng ta cần phải làm gì?

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| --- | --- |
| Giáo viên có thể thực hiện theo các bước sau: cho học sinh suy nghĩ về một số đặc tính của bản thân.  - Người mà em yêu quý nhất?  - Điều quan trọng nhất mà em mong ước sẽ đạt được trong cuộc đời?  - Một tiêu chuẩn đạo đức mà em luôn giữ cho mình không bao giờ vi phạm?  - Em hãy kể một vài sở thích của em?  - Môn học mà em ưa thích nhất?  - Một năng khiếu, sở trường của em?  - Những điểm em thấy tự hào, hài lòng về mình?  - Những điểm em thấy mình còn hạn chế, cần phải cố gắng hơn?  Học sinh chia sẻ kết quả tự nhận thức về bản thân mình và sau đó so sánh với bạn xem mình có điểm gì giống và khác bạn.  Giáo viên cho học cả lớp thảo luận các câu hỏi sau.  ? Thế nào là tự nhận thức về bản thân?  ? Tự nhận thức đúng về mình có phải là điều dễ dàng không?  ? Có ai chỉ toàn ưu điểm hoặc chỉ toàn điểm yếu không?  ? Để phát triển tốt hơn, mỗi người cần phải làm gì?  Tự hoàn thiện bản thân là quá trình phát huy những điểm mạnh và khắc phục những hạn chế đồng thời học hỏi những điểm tốt của người khác. Vậy để học sinh nắm được giáo viên cho học sinh trả lời các câu hỏi sau.  ? Thế nào là tự hoàn thiện bản thân?  ? Chúng ta có cần tự hoàn thiện bản thấn khồng? vì sao?  ? Bạn ở trong lớp, (trong trường) em cho là tấm gương để em có thể học tập để tự hoàn thiện bản thân?  Giáo viên yêu cầu học sinh liệt kê những yêu cầu đạo đức của xã hội đối với công dân trong giai đoạn hiện nay như: lương tâm, danh dự, trách nhiệm, yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung, khiêm tốn, trung thực, giảm dị, hòa nhập, hợp tác…  Sau đó giáo viên yêu cầu học sinh đối chiếu các yêu cầu đó với bản thân mình và tự đánh giá xem mình đã thực hiện tốt các yêu cầu nào, những yêu cầu nào mình còn cần phải cố gắng.  Giáo viên tổng kết các ý kiến và kết luận về quyền và trách nhiệm tự hoàn thiện bản thân, về cách xây dựng kế hoạch tự hoàn thiện bản thân. | **1. Thế nào là tự nhận thức về bản thân.**  **- Khái niệm**: Tự nhận thức bản thân là biết nhìn nhận, đánh giá về khả năng, hành vi, việc làm, điểm mạnh, yếu… của bản thân.  - Có những người thường đánh giá quá cao về mình, có những người lại mặc cảm, tự ti về khả năng của mình.  - Để phát triển tốt hơn, mỗi người cần phát huy những điểm mạnh và khắc phục những điểm yếu.  **2. Tự hoàn thiện bản thân.**  ***a. Thế nào là tự hoàn thiện bản thân.***  - Là vượt lên mọi khó khăn trở ngại, không ngừng lao động, học tâp, tu dưỡng.  - Phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, học hỏi những điều hay điều tốt.  ***b. Vì sao phải tự hoàn thiện bản thân?***  - Xã hội ngày càng phát triển,do đó việc hoàn thiện bản thân mình là tất yếu để đáp ứng đòi hỏi xã hội.  - Tự hoàn thiện bản thân là phẩm chất quan trọng của thanh thiếu niên, giúp cho cá nhân, gia đìnhvà cộng đồng ngày càng tiến bộ hơn.  **3. Tự hoàn thiện bản thân như thế nào?**  ***a. Yêu cầu chung.***  - Mỗi người đều phải phấn đấu tu dưỡng đạo đức để tự hoàn thiện bản thân mình.  - Biết nhận sự hỗ trợ, giúp đỡ bạn bè, gia đình, xã hội để hoàn thiện bản thân .  ***b. Học sinh cần phải:***  - Xác định rõ điều mình mong muốn  - Lập kế hoạch thực hiện theo mốc thời gian cụ thể.  - Xác định được những biện pháp cần làm  - Xác định được những thuận lợi và khó khăn và cách vượt qua khó khăn  - Xác định được những người sẽ giúp đỡ mình  - Có quyết tâm thực hiện và biết tìm sự giúp đỡ của những người tin cậy. |

**4. Cùng cố.**

Giáo viên nhắc lại kiến thức trọng tâm của bài học.

**5. Dặn dò, nhắc nhở.**

Về nhà các em học bài cũ trả lời các câu hỏi cuối bài học.